

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Số: 135/TTTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Báo cáo số 6740/BC-SNN ngày 27/11/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa về kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

Căn cứ Thông báo số 534/TB-UBND ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh về kết luận của UBND tỉnh tại cuộc họp thông qua một số nội dung trình HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 với các nội dung như sau:

1. Thông tin dự án

* Tên dự án: Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

* Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án 6 - Bộ Giao thông vận tải.



* Địa điểm thực hiện dự án: thị xã Ninh Hòa tỉnh Khánh Hòa và các huyện M'Đrăk, Krông Bông, Ea Kar tỉnh Đắk Lắk.

* Nhóm dự án: Dự án quan trọng của Quốc gia.

- Tổng mức đầu tư dự án: 10.436.543.060.000 đồng (*Bằng chữ: mười nghìn bốn trăm ba mươi sáu tỷ, năm trăm bốn mươi ba triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng*).

2. Sự cần thiết của dự án

Nhằm hình thành trục ngang kết nối vùng Tây nguyên với duyên hải Nam trung bộ, kết nối với các trục dọc, phát huy hiệu quả các dự án đã và đang đầu tư, kết nối các trung tâm kinh tế, cảng biển, đáp ứng nhu cầu vận tải; tạo dư địa, động lực, không gian phát triển vùng Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ với hệ thống hạ tầng kinh tế kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, xóa đói giảm nghèo; nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế - xã hội của đất nước theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

3. Diện tích đề nghị chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Diện tích đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 là **1,91 ha** rừng phòng hộ là rừng tự nhiên.

4. Vị trí khu rừng: Lô 11 khoảnh 9; các lô: 2a, 2b, 2c, 2d, 4e khoảnh 11 tiểu khu 73 và lô 6 khoảnh 1 tiểu khu 76.

5. Về đáp ứng nguyên tắc, căn cứ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Lâm nghiệp

5.1. Về nguyên tắc: Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

- Về Quy hoạch sử dụng đất:

Dự án và phân ranh giới phát sinh theo đề nghị của Ban quản lý dự án 6 tại Văn bản số 1526/BQLDA6-BĐK KH-BMT đã được cập nhật vào Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Ninh Hòa và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của kỳ quy hoạch (năm 2024) và đang trình Sở Tài nguyên và Môi trường. Hiện đang chờ hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường để trình thẩm định phê duyệt theo quy định của Luật Đất đai năm 2024.

- Quy hoạch tỉnh: Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023.

5.2. Về căn cứ:

- Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Ủy ban nhân dân cấp huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Dự án đã cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của kỳ quy hoạch (năm 2024) trong quá trình Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Ninh Hòa và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của kỳ quy hoạch. Hiện đang chờ hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường để trình thẩm định phê duyệt theo quy định của Luật Đất đai năm 2024.

- Diện tích rừng, đất quy hoạch để trồng rừng:

+ Diện tích rừng: Theo kết quả công bố hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2023 được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 22/02/2024, diện tích đất có rừng trên địa bàn tỉnh là 238.274,10 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 45,58 %.

+ Diện tích đất quy hoạch để trồng rừng: Theo kết quả công bố hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2023 được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 22/02/2024, diện tích đất trồng quy hoạch cho lâm nghiệp có thể rà soát để trồng rừng là 72.689,93 ha.

- Nhu cầu sử dụng rừng của dự án:

Dự án cần sử dụng 1,91 ha rừng tự nhiên, khá nhỏ so với tổng diện tích rừng hiện có trên địa bàn tỉnh; do đó, khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đối với diện tích rừng nêu trên thì về cơ bản tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh không đổi. Mặt khác, sau khi được cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thì sẽ thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế cho diện tích rừng được chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

6. Tiêu chí dự án được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác

Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022, phù hợp với tiêu chí xác định dự án được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác theo quy định tại

khoản 1 Điều 41a của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.

Dự án đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 238/QĐ-BGTVT ngày 10/3/2023 và được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận hồ sơ thiết kế tại Văn bản số 411/BGTVT-CQLXD ngày 12/01/2023 và Ban Quản lý dự án 6 phê duyệt hồ sơ, thiết kế điều chỉnh bổ sung một số cọc giải phóng mặt bằng tại Quyết định số 44/QĐ-BQLDA6 ngày 26/02/2024; do đó, dự án bắt buộc phải thực hiện trên phần diện tích rừng tự nhiên nêu trên do không thể bố trí vị trí khác.

7. Hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ, gồm:

- Văn bản số 1921/BQLDA6-BĐH KH-BMT của Ban Quản lý dự án 6 - Bộ Giao thông vận tải về đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1; Quyết định số 238/QĐ-BGTVT ngày 10/3/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt đầu tư dự án Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

- Quyết định số 3702/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác lập tháng 9/2024 đã được Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức kiểm tra và có Công văn số 6634/SNN-KL ngày 22/11/2024 xác định hiện trạng rừng thể hiện tại hồ sơ phù hợp với hiện trạng thực tế kiểm tra tại hiện trường.

- Văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá hồ sơ dự án đủ căn cứ, điều kiện để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng

rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và pháp luật và nội dung trình nêu trên./.

(Gửi kèm dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: NN&PTNT, TN&MT, XD, KH&ĐT, GTVT;
- Ban quản lý dự án 6 – Bộ Giao thông vận tải;
- UBND thị xã Ninh Hòa;
- Lưu: VT, Tle, LV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature of Lê Hữu Hoàng)

Lê Hữu Hoàng

Số: /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA, KỲ HỌP THỨ.....**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày...../...../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 với tổng diện tích 1,91 ha rừng phòng hộ là rừng tự nhiên tại lô 11

khoảnh 9; các lô: 2a, 2b, 2c, 2d, 4e khoảnh 11 tiểu khu 73 và lô 6 khoảnh 1 tiểu khu 76 xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa ..., nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ thông qua ngày..... tháng.... năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các Ban Đảng;
- VP HĐND, VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu

CHỦ TỊCH

Số: 6740/BC-SNN

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định Hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được nhận được Văn bản số 1921/BQLDA6-BĐH KH-BMT của Ban Quản lý dự án 6 - Bộ Giao thông vận tải về đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, gửi kèm các văn bản tài liệu có liên quan.

Căn cứ Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; vào ngày 27/11/2024, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 với các nội dung như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

- Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án 6 - Bộ Giao thông vận tải.

- Địa điểm thực hiện dự án: thị xã Ninh Hòa tỉnh Khánh Hòa và các huyện M'Đrăk, Krông Bông, Ea Kar tỉnh Đắk Lắk.

- Nhóm dự án: Dự án quan trọng của Quốc gia.

- Tổng mức đầu tư dự án: 10.436.543.060.000 đồng (*Bằng chữ: mười nghìn bốn trăm ba mươi sáu tỷ, năm trăm bốn mươi ba triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng*).

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Lâm nghiệp năm 2017;
- Luật Đất đai năm 2024;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;
- Quyết định số 318/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Văn bản số 1369/TTg-NN ngày 15/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

3. Vị trí, diện tích đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Diện tích đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 là **1,91 ha** rừng phòng hộ là rừng tự nhiên tại lô 11 khoảnh 9; các lô: 2a, 2b, 2c, 2d, 4e khoảnh 11 tiểu khu 73 và lô 6 khoảnh 1 tiểu khu 76 xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa.

4. Thành phần hồ sơ tiếp nhận

- Văn bản số 1921/BQLDA6-BĐH KH-BMT của Ban Quản lý dự án 6 - Bộ Giao thông vận tải về đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1; Quyết định số 238/QĐ-BGTVT ngày 10/3/2023 của Bộ

Giao thông vận tải về việc phê duyệt đầu tư dự án Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

- Quyết định số 3702/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác lập tháng 9/2024;

- Văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Trên cơ sở kết quả cuộc họp thẩm định Hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 đã được lập Biên bản vào ngày 27/11/2024; Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp kết quả thẩm định như sau:

1. Thành phần, nội dung hồ sơ

Thành phần hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ, gồm:

- Văn bản số 1921/BQLDA6-BĐH KH-BMT của Ban Quản lý dự án 6 - Bộ Giao thông vận tải về đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1; Quyết định số 238/QĐ-BGTVT ngày 10/3/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt đầu tư dự án Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

- Quyết định số 3702/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao

tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác lập tháng 9/2024 đã được Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức kiểm tra và có Công văn số 6634/SNN-KL ngày 22/11/2024 xác định hiện trạng rừng thể hiện tại hồ sơ phù hợp với hiện trạng thực tế kiểm tra tại hiện trường.

- Văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

2. Sự cần thiết đầu tư dự án

Nhằm hình thành trục ngang kết nối vùng Tây nguyên với duyên hải Nam trung bộ, kết nối với các trục dọc, phát huy hiệu quả các dự án đã và đang đầu tư, kết nối các trung tâm kinh tế, cảng biển, đáp ứng nhu cầu vận tải; tạo dư địa, động lực, không gian phát triển vùng Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ với hệ thống hạ tầng kinh tế kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, xóa đói giảm nghèo; nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế - xã hội của đất nước theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

3. Diện tích đề nghị chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Diện tích đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 là **1,91 ha** rừng phòng hộ là rừng tự nhiên.

4. Vị trí khu rừng: Lô 11 khoảnh 9; các lô: 2a, 2b, 2c, 2d, 4e khoảnh 11 tiểu khu 73 và lô 6 khoảnh 1 tiểu khu 76 xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa.

5. Về đáp ứng nguyên tắc, căn cứ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Lâm nghiệp

5.1. Về nguyên tắc: Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

- Về Quy hoạch sử dụng đất:

Dự án và phần ranh giới phát sinh theo đề nghị của Ban quản lý dự án 6 tại Văn bản số 1526/BQLDA6-BĐK KH-BMT đã được cập nhật vào Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Ninh Hòa và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của kỳ quy hoạch (năm 2024) và đang trình Sở Tài nguyên

và Môi trường. Hiện đang chờ hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường để trình thẩm định phê duyệt theo quy định của Luật Đất đai năm 2024.

- Quy hoạch tỉnh: Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023.

5.2. Về căn cứ:

- Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Ủy ban nhân dân cấp huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Dự án đã cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của kỳ quy hoạch (năm 2024) trong quá trình Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Ninh Hòa và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của kỳ quy hoạch. Hiện đang chờ hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường để trình thẩm định phê duyệt theo quy định của Luật Đất đai năm 2024.

- Diện tích rừng, đất quy hoạch để trồng rừng:

+ Diện tích rừng: Theo kết quả công bố hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2023 được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 22/02/2024, diện tích đất có rừng trên địa bàn tỉnh là 238.274,10 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 45,58 %.

+ Diện tích đất quy hoạch để trồng rừng: Theo kết quả công bố hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2023 được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 22/02/2024, diện tích đất trồng quy hoạch cho lâm nghiệp có thể rà soát để trồng rừng là 72.689,93 ha.

- Nhu cầu sử dụng rừng của dự án:

Dự án cần sử dụng 1,91 ha rừng tự nhiên, khá nhỏ so với tổng diện tích rừng hiện có trên địa bàn tỉnh; do đó, khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đối với diện tích rừng nêu trên thì về cơ bản tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh không đổi. Mặt khác, sau khi được cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thì sẽ thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế cho diện tích rừng được chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

6. Tiêu chí dự án được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác

Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022, phù hợp với tiêu chí xác định dự án được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác theo quy định tại khoản 1 Điều 41a của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.

Dự án đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 238/QĐ-BGTVT ngày 10/3/2023 và được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận hồ sơ thiết kế tại Văn bản số 411/BGTVT-CQLXD ngày 12/01/2023 và Ban Quản lý dự án 6 phê duyệt hồ sơ, thiết kế điều chỉnh bổ sung một số cọc giải phóng mặt bằng tại Quyết định số 44/QĐ-BQLDA6 ngày 26/02/2024; do đó, dự án bắt buộc phải thực hiện trên phần diện tích rừng tự nhiên nêu trên do không thể bố trí vị trí khác.

7. Nội dung khác có liên quan

- Dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3702/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2022.

- Dự án phù hợp với định hướng quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

III. Ý KIẾN ĐỀ XUẤT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ xác định thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính báo cáo UBND tỉnh kết quả thẩm định hồ sơ trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 và đề xuất UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích 1,91 ha bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

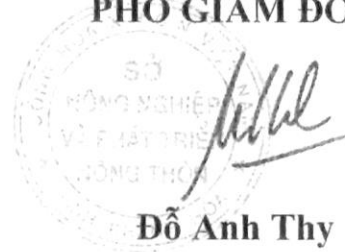
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm Biên bản cuộc họp thẩm định ngày 27/11/2024; dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh; Nghị quyết của HĐND tỉnh và hồ sơ, tài liệu có liên quan)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Các Sở: TN&MT, XD, KHĐT, GTVT;
- UBND thị xã Ninh Hòa;
- Phòng: NVTH;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đỗ Anh Thy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP

**Thẩm định Hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng
rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện
Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc
Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1**

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00, ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại Phòng họp, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Khánh Hòa, chúng tôi gồm có:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Ông Đỗ Anh Thy - Phó Giám đốc, Chủ trì cuộc họp;
- Ông Nguyễn Đình Hiền - Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ tổng hợp.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Bà Nguyễn Thị Anh Kiều - Chuyên viên Chi cục QLDD;

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Ông Lê Hoàng Đức - Chuyên viên phòng Tổng hợp, quy hoạch;

4. UBND thị xã Ninh Hòa

- Ông Nguyễn Thanh Bình - Trưởng phòng Kinh tế;

5. Sở Giao thông vận tải

- Ông Hà Vĩnh Hòa - Chuyên viên Phòng QLCL và ATGT;

6. Chi cục Kiểm lâm

- Ông Nguyễn Danh - Phó Chi cục trưởng, Phụ trách Chi cục;
- Bà Nguyễn Thị Diễm - Trưởng phòng QL BVR & BTTN;
- Ông Võ Bất Bại - Công chức Phòng QL BVR & BTTN.

7. Ban Quản lý dự án 6 - Bộ Giao thông vận tải

- Ông Nguyễn Như Tuấn - Giám đốc điều hành dự án.

8. Sở Xây dựng có mời nhưng không tham dự

Tiến hành cuộc họp thẩm định hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1, cụ thể:

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CUỘC HỌP

I. Chi cục Kiểm lâm báo cáo các nội dung liên quan đến hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1

Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 và đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại Văn bản số 1369/TTg-NN với diện tích 196,62 ha rừng trên địa bàn 02 tỉnh: Khánh Hòa (27,19 ha), Đắk Lắk (169,43 ha).

Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 238/QĐ-BGTVT ngày 10/3/2023; được UBND tỉnh ban hành Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 với diện tích 4,25 ha.

Ngày 26/11/2024, Chi cục Kiểm lâm nhận được Văn bản số 1921/BQLDA6-BĐH KH-BMI của Ban Quản lý dự án 6 - Bộ Giao thông vận tải về đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, gửi kèm các hồ sơ, tài liệu có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ xác định thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 nêu trên thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh.

Do đó, để có cơ sở tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh kết quả thẩm định để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Chi cục Kiểm lâm đề xuất Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức cuộc họp thẩm định hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 của Ban Quản lý dự án 6 - Bộ Giao thông vận tải. Lưu ý một số nội dung như: Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng

đất; tài liệu môi trường của dự án; xác định dự án bắt buộc phải thực hiện trên diện tích có rừng tự nhiên do không thể bố trí diện tích đất khác....

II. Ý kiến thẩm định của các thành viên tham gia

1. Ý kiến của Ban Quản lý 6 - Bộ Giao thông vận tải

- Dự án không tăng quy mô công suất, không thay đổi công nghệ xử lý chất thải, không thay đổi công nghệ sản xuất và không thay đổi địa điểm thực hiện dự án, địa điểm xả thải. Do đó, theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 2 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì dự án không thuộc trường hợp lập lại đánh giá tác động môi trường.

- Dự án đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 238/QĐ-BGTVT ngày 10/3/2023, chấp thuận hồ sơ thiết kế tại Văn bản số 411/BGTVT-CQLXD ngày 12/01/2023 và Ban Quản lý dự án 6 phê duyệt hồ sơ, thiết kế điều chỉnh bổ sung một số cọc giải phóng mặt bằng tại Quyết định số 44/QĐ-BQLDA6 ngày 26/02/2024; do đó, dự án bắt buộc phải thực hiện trên phần diện tích rừng tự nhiên nêu trên do không thể bố trí vị trí khác.

- Ban quản lý dự án 6 đã có Văn bản số 1526/BQLDA6-BĐK KH-BMT ngày 17/9/2024 đề nghị UBND thị xã Ninh Hòa cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thị xã Ninh Hòa.

2. Ý kiến của UBND thị xã Ninh Hòa

UBND thị xã Ninh Hòa đã cập nhật dự án và phần ranh giới dự án theo đề nghị của Ban quản lý dự án 6 tại Văn bản số 1526/BQLDA6-BĐK KH-BMT vào Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Ninh Hòa và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của kỳ quy hoạch (năm 2024) hiện đang chờ hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường để trình thẩm định phê duyệt theo quy định của Luật Đất đai năm 2024.

3. Ý kiến của Sở Giao thông vận tải

Dự án phù hợp với định hướng quy hoạch mạng lưới đường bộ tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; phù hợp với định hướng quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023.

4. Ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường

Đề nghị căn cứ ý kiến của UBND thị xã Ninh Hòa để tổng hợp, báo cáo

5. Ý kiến của Kế hoạch và Đầu tư

- Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 có tên trong Danh mục dự án ưu tiên đầu tư tại Phụ lục XII Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Về diện tích quy mô dự án tại phần ghi chú dự án có ghi "Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn". Đồng thời, tại khoản 2 Điều 2 Quyết định 318/QĐ-TTg có nêu: "Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục ưu tiên đầu tư ban hành kèm theo Quyết định này phải phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này và phù hợp với các quy hoạch khác có liên quan (nếu có), bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình". Do đó, việc xác định ranh giới dự án sẽ được cụ thể hóa tại các quy hoạch chuyên ngành.

- Về trình chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 và các văn bản pháp luật liên quan để kiểm tra hồ sơ, thẩm định trình phê duyệt quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định.

III. Kết luận cuộc họp

Qua quá trình trao đổi, thảo luận và tham gia ý kiến của các thành viên dự họp; chủ trì cuộc họp kết luận như sau:

1. Thống nhất báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 với các nội dung như sau:

1.1. Thông tin dự án

- Tên dự án: Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

- Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án 6 - Bộ Giao thông vận tải

- Địa điểm thực hiện dự án: thị xã Ninh Hòa tỉnh Khánh Hòa và các huyện M'Đrắk, Krông Bông, Ea Kar tỉnh Đắk Lắk.

- Nhóm dự án: Dự án quan trọng của Quốc gia.

- Tổng mức đầu tư dự án: 10.436.543.060.000 đồng (Bằng chữ: mười nghìn bốn trăm ba mươi sáu tỷ, năm trăm bốn mươi ba triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng).

1.2. Mục tiêu dự án

Nhằm hình thành trục ngang kết nối vùng Tây nguyên với duyên hải Nam trung bộ, kết nối với các trục dọc, phát huy hiệu quả các dự án đã và đang đầu tư, kết nối các trung tâm kinh tế, cảng biển, đáp ứng nhu cầu vận tải; tạo dư địa, động lực, không gian phát triển vùng Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ với hệ thống hạ tầng kinh tế kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, xóa đói giảm nghèo; nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế - xã hội của đất nước theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

1.3. Diện tích đề nghị chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Diện tích đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 là **1,91 ha** rừng phòng hộ là rừng tự nhiên.

1.4. Vị trí khu rừng: Lô 11 khoảnh 9; các lô: 2a, 2b, 2c, 2d, 4e khoảnh 11 tiểu khu 73 và lô 6 khoảnh 1 tiểu khu 76 xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa

1.5. Về đáp ứng nguyên tắc, căn cứ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Lâm nghiệp

* **Về nguyên tắc:** Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

- Về Quy hoạch sử dụng đất:

Dự án và phần ranh giới phát sinh theo đề nghị của Ban quản lý dự án 6 tại Văn bản số 1526/BQLDA6-BĐK KH-BMT đã được cập nhật vào Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Ninh Hòa và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của kỳ quy hoạch (năm 2024) và đang trình Sở Tài nguyên và Môi trường. Hiện đang chờ hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường để trình thẩm định phê duyệt theo quy định của Luật Đất đai năm 2024.

- Quy hoạch tỉnh: Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023

* **Về căn cứ:**

- Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Ủy ban nhân dân cấp huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Dự án đã cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của kỳ quy hoạch (năm 2024) trong quá trình Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Ninh Hòa và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của kỳ quy hoạch. Hiện đang chờ hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường để trình thẩm định phê duyệt theo quy định của Luật Đất đai năm 2024.

- Diện tích rừng, đất quy hoạch để trồng rừng

+ Diện tích rừng: Theo kết quả công bố hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2023 được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 22/02/2024, diện tích đất có rừng trên địa bàn tỉnh là 238.274,10 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 45,58 %.

+ Diện tích đất quy hoạch để trồng rừng: Theo kết quả công bố hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2023 được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 22/02/2024, diện tích đất trồng quy hoạch cho lâm nghiệp có thể rà soát để trồng rừng là 72.689,93 ha.

- Nhu cầu sử dụng rừng của dự án

Dự án cần sử dụng 1,91 ha rừng tự nhiên, khá nhỏ so với tổng diện tích rừng hiện có trên địa bàn tỉnh; do đó, khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đối với diện tích rừng nêu trên thì về cơ bản tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh không đổi. Mặt khác, sau khi được cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thì sẽ thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế cho diện tích rừng được chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

1.6. Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuật giai đoạn 1 đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022, phù hợp với tiêu chí xác định dự án được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác theo quy định tại khoản 1 Điều 41a của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.

1.7. Nội dung khác có liên quan

- Dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3702/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2022.

- Dự án đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 238/QĐ-BGTVT ngày 10/3/2023 và được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận hồ sơ thiết kế tại Văn bản số 411/BGTVT-CQLXD ngày 12/01/2023 và Ban Quản lý dự án 6 phê duyệt hồ sơ, thiết kế điều chỉnh bổ sung một số cọc giải phóng mặt bằng tại Quyết định số 44/QĐ-BQLDA6 ngày 26/02/2024; do


đó, dự án bắt buộc phải thực hiện trên phần diện tích rừng tự nhiên nêu trên do không thể bố trí vị trí khác.

- Dự án phù hợp với định hướng quy hoạch mạng lưới đường bộ tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

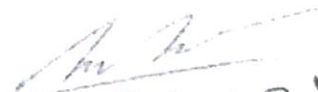
2. Giao Chi cục Kiểm lâm rà soát, tổng hợp, tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND tỉnh kết quả thẩm định để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích 1,91 ha bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 theo đúng quy định.

Biên bản lập xong vào lúc 15 giờ 30 phút cùng ngày, đã được đọc lại cho các thành viên tham gia cùng nghe, thống nhất với những nội dung nêu trên và cùng ký tên. Biên bản được lập thành 09 bản, đại diện mỗi đơn vị giữ 01 bản, 01 bản lưu hồ sơ thẩm định./.

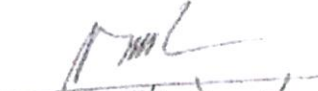
**ĐD. SỞ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG**


Nguyễn Thị Anh Kiều


ĐD. UBND THỊ XÃ NINH HÒA


Nguyễn Thanh Bình


ĐD. CHI CỤC KIỂM LÂM


Nguyễn Văn Danh

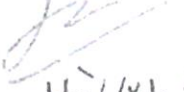
**ĐD. PHÒNG NGHIỆP VỤ TỔNG HỢP
THUỘC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**


Nguyễn Đình Hiến


ĐD. SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ


Lê Hoàng Bình

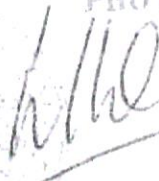
ĐD. SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI


Hà Văn Hòa

**ĐD. BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN 6 - BỘ
GIAO THÔNG VẬN TẢI**


Nguyễn Như Tuấn

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN VÀ PTNT
PHÓ GIÁM ĐỐC**


Đỗ Anh Thy

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1921 /BQLDA6-BĐH KH-BMT

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2024

ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG CHUYÊN MỤC ĐÍCH
SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC

Kính gửi:

- Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ Nghị định số: 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt đầu tư dự án Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ văn bản số 1369/TTg-NN ngày 15/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đồng ý chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ biên bản kiểm tra ngày 19/11/2024 về hiện trạng khu vực đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

- Tên tổ chức/chủ đầu tư dự án: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN 6 – BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI.

- Địa chỉ liên hệ: Tầng 8 toà nhà Cục Đường bộ Việt Nam, ô D20 khu Đô thị mới Cầu Giấy, đường Tôn Thất Thuyết, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại 024.3851.6867 Fax: 024.38510857.

- Người đại diện:

+ Họ và tên: Phạm Văn Trinh.

+ Chức vụ: Phó giám đốc Ban quản lý dự án 6.

+ Số Căn cước công dân/Căn cước: 036072010906 ngày cấp 22/12/2021 nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

+ Hộ khẩu thường trú: Tổ 6 Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Đề nghị xem xét, quyết định phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác phần diện tích bổ sung như sau:

1. Các thông tin về rừng:

a) Các thông tin:

Vị trí khu rừng (ghi rõ tên tiểu khu, khoảnh, lô):

Gồm tổng số 7 lô rừng tự nhiên thuộc 3 Khoảnh, 2 Tiểu khu trên địa giới hành chính xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà. Cụ thể như sau:

Lô 11 khoảnh 9; lô 2a, 2b, 2c, 2d, 4e, khoảnh 11, tiểu khu 73 và lô 6, khoảnh 1, tiểu khu 76.

Diện tích rừng (ha): Diện tích rừng phân bổ sung là 1,91 ha.

Chức năng rừng: (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất): rừng phòng hộ

Loại rừng: (rừng tự nhiên, rừng trồng): rừng tự nhiên.

b) Mục đích của việc chuyển mục đích sử dụng rừng phân diện tích bổ sung: Để thực hiện dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

2. Hồ sơ: Có hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2025/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ kèm theo, gồm:

- Bản sao Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

- Bản sao Quyết định số 238/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt đầu tư dự án Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

- Bản sao quyết định số 3702/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1. Kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác lập tháng 9/2024.

- Văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

3. Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác về các thông tin trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- UBND thị xã Ninh Hoà (để p/h);
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh Khánh Hòa (để p/h);
- UBND xã Ninh Tây
- Phòng TCKT; KHTH; KTTĐ ;
- Lưu VP, BĐH KH-BMT.

(Chữ ký)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Văn Trinh

BẢN CAM KẾT
VỀ NỘP TIỀN TRỒNG RỪNG THAY THẾ

Kính gửi:

- Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa.

Tên dự án: Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

Đại diện theo pháp luật của chủ dự án: Ban Quản lý dự án 6 – Bộ Giao thông Vận tải.

Địa chỉ: Tầng 8 toà nhà Cục Đường bộ Việt Nam, ô D20 khu Đô thị mới Cầu Giấy, đường Tôn Thất Thuyết, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, Ban Quản lý dự án 6 – Bộ Giao thông Vận tải cam kết thực hiện các nội dung như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác: 1,91ha.

2. Loại rừng:

- Theo mục đích sử dụng rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất): rừng phòng hộ.

- Theo nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng): rừng tự nhiên.

3. Tổng diện tích phải thực hiện trồng rừng thay thế: $1,91ha \times 3 = 5.73 ha$.

II. NỘI DUNG CAM KẾT

Ban Quản lý dự án 6 – Bộ Giao thông Vận tải cam kết thực hiện nộp tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Nếu vi phạm cam kết, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Giám đốc (để b/c);
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh Khánh Hòa;
- Viện STR&MT (để ph);
- Phòng TCKT; KHTH; KTTĐ ;
- Lưu VP, BĐH KH-BMT.

(Chữ ký)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN 6
*
Phạm Văn Trinh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA RỪNG PHẦN DIỆN TÍCH BỔ SUNG ĐỀ NGHỊ
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA
DỰ ÁN THÀNH PHẦN 2 THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG
BỘ CAO TỐC KHÁNH HÒA - BUỒN MA THUỘT GIAI ĐOẠN 1

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



Kí. Giám đốc
PHỤ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Trường

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN



VIỆN TRƯỞNG

Lê Sỹ Doanh

Hà Nội, 2024

MỤC LỤC

PHẦN I KHÁI QUÁT CHUNG	5
1. Tên dự án.....	5
2. Địa điểm thực hiện dự án.....	5
3. Chủ đầu tư.....	5
4. Căn cứ xây dựng báo cáo.....	5
PHẦN II MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT	8
I. MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI.....	8
1. Mục tiêu.....	8
2. Đối tượng.....	8
3. Phạm vi.....	8
II. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT.....	8
1. Nội dung.....	8
2. Phương pháp.....	9
PHẦN III KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA	16
I. VỊ TRÍ, PHẠM VI, RANH GIỚI KHU VỰC KHẢO SÁT.....	16
II. HIỆN TRẠNG VÙNG THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	16
1. Về diện tích.....	16
2. Hiện trạng phân theo đối tượng.....	16
3. Diện tích phân theo quy hoạch 3 loại rừng.....	17
4. Diện tích đề nghị Quyết định chuyển mục đích sử dụng.....	17
5. Thuyết minh bản đồ hiện trạng rừng.....	18
I. KẾT LUẬN.....	20
II. KIẾN NGHỊ.....	20
PHỤ LỤC: DANH SÁCH CÁC LÔ RỪNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC	21

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Tổng hợp diện tích phân theo địa danh	16
---	----

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Điều tra ngoài thực địa.....	10
Hình 2: Rừng gỗ lá rộng thường xanh nghèo kiệt tại khu vực khảo sát	17
Hình 3: Rừng hỗn giao gỗ - tre nứa tại khu vực khảo sát	17
Hình 4: Bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng	19

PHẦN I KHÁI QUÁT CHUNG

1. Tên dự án

Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

2. Địa điểm thực hiện dự án

Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022. Hướng tuyến được lựa chọn trên cơ sở kết quả làm việc với UBND tỉnh Khánh Hòa và UBND tỉnh Đắk Lắk, đi qua các đơn vị hành chính như sau:

- Tại tỉnh Khánh Hòa: Xã Ninh Tây - Thị xã Ninh Hòa;
- Tại tỉnh Đắk Lắk: Các huyện Cư Kuin, Krông Pắc, Ea Kar, Krông Bông và M'Đrắk.

Dự án thành phần 2 có tổng chiều dài 36,987km; Điểm đầu Km32+000, tại vị trí tiếp giáp với Dự án thành phần 1, tỉnh Khánh Hòa; Điểm cuối: Km68+854,48 (trùng với Km69+500) kết nối với dự án thành phần 3.

3. Chủ đầu tư

Ban Quản lý dự án 6 - Bộ Giao thông vận tải.

4. Căn cứ xây dựng báo cáo

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;
- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/1/2024;
- Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNPTNT ngày 13/8/2024: Nghị định 91/2024/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 156/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Lâm nghiệp; Nghị định 27/2024/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 156/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Lâm nghiệp; Nghị định 156/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Lâm nghiệp;
- Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

- Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

- Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội Về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hoà – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

- Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 58/2922/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột;

- Quyết định số 17/2022/QĐ-TTg ngày 28/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phân cấp thực hiện các dự án, dự án thành phần đầu tư các đoạn tuyến đường bộ cao tốc theo hình thức đầu tư công thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

- Quyết định số 1347/QĐ-BGTVT ngày 21/7/2021 của Bộ Giao thông Vận tải về việc giao nhiệm vụ cho Ban Quản lý Dự án 6 tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 theo phương thức đối tác công tư;

- Quyết định 1440/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt kết quả rà soát, chuyển loại rừng tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 1056/QĐ-BGTVT ngày 01/8/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc giao nhiệm vụ cho Ban QLDA6 làm Chủ đầu tư bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

- Công văn số 1369/TTg-NN ngày 15/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

- Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

- Quyết định số 44/QĐ-BQLDA6 ngày 26/02/2024 của Ban quản lý dự án 6 (Bộ Giao thông vận tải) về phê duyệt hồ sơ thiết kế điều chỉnh, bổ sung một số cọc GPMB các phân đoạn Km32+00 – Km43+00, Km43+00 – Km50+00, Km50+00 – Km61+300, Km61+300 – Km69+500 Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hoà – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

- Văn bản số 1242/BQLDA6-BĐH KH-BMT ngày 23/7/2024 của Ban QLDA6 về hồ sơ thiết kế cắm cọc GPMB điều chỉnh, bổ sung cục bộ một số vị trí, Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

- Văn bản số: 1526/BQLDA6-BĐH KH-BMT ngày 17/9/2024 của Ban QLDA6 về việc cập nhật điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

PHẦN II

MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT

I. MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI

1. Mục tiêu

Lập báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng tỷ lệ 1/5.000 khu vực xin chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện “Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1”, khu vực điều chỉnh, bổ sung=.

2. Đối tượng

Là các diện tích thực hiện “Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1”, khu vực điều chỉnh, bổ sung thuộc Dự án thành phần 2.

3. Phạm vi

3.1. Phạm vi điều tra

Trên cơ sở chõng xếp khu vực đã được xác định trên cơ sở bình đồ hướng tuyến do Ban QLDA6 cung cấp và bản đồ thiết kế cắm cọc GPMB điều chỉnh, bổ sung cục bộ một số vị trí, Dự án thành phần 2 (theo các văn bản: Quyết định số 44/QĐ-BQLDA6 ngày 26/2/2024 và văn bản số 1242/BQLDA6-BĐH KH-BMT ngày 22/7/2024 của BQLDA 6). Tư vấn đã tiến hành điều tra, khảo sát bổ sung đối với khu vực điều chỉnh, bổ sung thuộc Dự án thành phần 2 ngoài diện tích rừng đã được chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh Khánh Hoà .

3.2. Diện tích vùng điều tra

Trên cơ sở bình đồ hướng tuyến của Dự án đối với khu vực điều chỉnh, bổ sung thuộc Dự án thành phần 2, Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1; vị trí tuyến đường giao thông được thể hiện trên bản đồ kết quả cập nhật diễn biến rừng năm 2023 của tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Khánh Hòa.

II. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT

1. Nội dung

Nội dung công việc của dịch vụ điều tra, lập Báo cáo chuyển mục đích sử dụng rừng Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 và trình tự các bước triển khai tuân thủ theo quy định của Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017; Nghị định của Chính phủ số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 Quy định

chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Xác định ranh giới, hiện trạng và diện tích các khu vực đường cao tốc đi qua: Vị trí (tiểu khu, khoảnh, lô, địa danh hành chính khu rừng), diện tích rừng theo: loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng), trữ lượng đối với rừng tự nhiên, loài cây và trữ lượng đối với rừng trồng.

- Kết quả điều tra khu vực đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng).

- Biên tập bản đồ hiện trạng rừng tỷ lệ 1/5.000 khu vực đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Viết báo cáo thuyết minh tổng hợp điều tra hiện trạng rừng khu vực đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

2. Phương pháp

2.1. Công tác chuẩn bị

Thu thập các tài liệu, số liệu có liên quan:

- Luật Lâm nghiệp, các Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ Nông nghiệp và PTNT có liên quan đến quy định về đánh giá hiện trạng rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp;

- Ảnh vệ tinh khu vực khảo sát;

- Phạm vi giải phóng mặt bằng theo hướng tuyến đã thống nhất (khu vực điều chỉnh, bổ sung khi thực hiện Dự án thành phần 2);

- Bản đồ theo dõi diễn biến rừng năm 2023, bản đồ quy hoạch 3 loại rừng.

2.2. Điều tra, khảo sát thực địa

(1). Phương pháp kế thừa

Là phương pháp sử dụng kết quả theo dõi diễn biến rừng hàng năm, bản đồ ranh giới giải phóng mặt bằng, bản đồ quy hoạch 3 loại rừng. Trên cơ sở đó sử dụng phần mềm QGIS chuyển ranh giới khu vực cần điều tra, khảo sát lên bản đồ địa hình VN-2000, chồng xếp, biên tập bản đồ để xác định hiện trạng diện tích đất trồng, rừng và các loại đất khác, ... trong quy hoạch lâm nghiệp và ngoài quy hoạch lâm nghiệp trong phạm vi dự án.

(2). Phương pháp gián tiếp

Trên cơ sở các thông tin, số liệu thứ cấp thu thập được, sau khi xử lý được, tổng hợp, đồng thời kết hợp ảnh vệ tinh thời điểm tháng 08 năm 2024 xác định diện tích có rừng và không có rừng.

(3). Phương pháp trực tiếp

- Phương pháp điều tra trên ô tiêu chuẩn:



Hình 1: Điều tra ngoài thực địa

+ Đơn vị tư vấn đã tiến hành điều tra tài nguyên rừng theo ô tiêu chuẩn hoặc mẫu khóa ảnh (gọi chung là mẫu) trên các đám rừng phân tán dọc theo tuyến đường, lập ô tiêu chuẩn 500m² (đối với ô tiêu chuẩn), gồm 4 mẫu rừng tự nhiên. Sử dụng dây nilon để xác định phạm vi điều tra và dùng sơn đánh dấu ở 4 góc ô và tâm ô tại vị trí lấy tọa độ GPS của ô.

* Điều tra rừng tự nhiên:

- Điều tra tầng cây cao:

+ Xác định tên loài cây trong từng ô tiêu chuẩn;

+ Chiều cao vút ngọn, dưới cành: đo bằng sào đo cao có vạch chia 0,5m, dựng sào theo phương thẳng đứng men theo thân cây và ước lượng chiều cao cây theo chiều cao vút ngọn (H_{vn}) và chiều cao dưới cành (H_{dc}) của cây và ghi vào cột H_{vn}, H_{dc} trong mẫu biểu 01.

+ Chu vi tại vị trí D1.3: đo bằng thước dây 1,5m, vòng thước dây quanh thân cây tại vị trí 1,3m và ghi kết quả vào cột C1.3 trong mẫu biểu 01. Trường hợp chiều cao cây dưới 1,3m hoặc không xác định được chu vi tại vị trí D1.3 thì đo chu vi gốc và ghi vào cột Coo trong mẫu biểu 01.

+ Độ tàn che: Sử dụng phương pháp xác định khoảng trống của tán rừng bằng cách sử dụng thiết bị di động thông minh (điện thoại thông minh, máy tính bảng) được cài đặt phần mềm GLAMA để phân tích tỷ lệ che phủ của tán rừng thông qua đo khả năng lọt ánh sáng qua tán rừng. Sau khi khởi động phần mềm trên thiết bị thông minh, hướng máy ảnh của thiết bị lên tán rừng theo phương thẳng đứng và chụp ảnh của tán rừng, sau đó hệ thống sẽ tự động phân tích tỷ lệ lọt ánh sáng qua tán rừng và đưa ra độ che phủ của tán rừng tại điểm chụp ảnh. Để nâng cao độ chính xác, trong mỗi OTC tiến hành đo tại 30 vị trí cách đều nhau 5m tính từ mép của OTC. Kết quả được ghi vào mẫu biểu số 02.

* Điều tra rừng trồng:

- Điều tra tầng cây cao:

+ Xác định tên loài cây trong từng ô tiêu chuẩn;

+ Chiều cao vút ngọn, dưới cành: đo bằng sào đo cao có vạch chia 0,5m, dựng sào theo phương thẳng đứng men theo thân cây và ước lượng chiều cao cây theo chiều cao vút ngọn (Hvn) và chiều cao dưới cành (Hdc) của cây và ghi vào cột Hvn, Hdc trong mẫu biểu 01.

+ Chu vi tại vị trí D1.3: đo bằng thước dây 1,5m, vòng thước dây quanh thân cây tại vị trí 1,3m và ghi kết quả vào cột C1.3 trong mẫu biểu 01. Trường hợp chiều cao cây dưới 1,3m hoặc không xác định được chu vi tại vị trí D1.3 thì đo chu vi gốc và ghi vào cột Coo trong mẫu biểu 01.

+ Độ tàn che: Sử dụng phương pháp xác định khoảng trống của tán rừng bằng cách sử dụng thiết bị di động thông minh (điện thoại thông minh, máy tính bảng) được cài đặt phần mềm GLAMA để phân tích tỷ lệ che phủ của tán rừng thông qua đo khả năng lọt ánh sáng qua tán rừng. Sau khi khởi động phần mềm trên thiết bị thông minh, hướng máy ảnh của thiết bị lên tán rừng theo phương thẳng đứng và chụp ảnh của tán rừng, sau đó hệ thống sẽ tự động phân tích tỷ lệ lọt ánh sáng qua tán rừng và đưa ra độ che phủ của tán rừng tại điểm chụp ảnh. Để nâng cao độ chính xác, trong mỗi OTC tiến hành đo tại 30 vị trí cách đều nhau 5m tính từ mép của OTC. Kết quả được ghi vào mẫu biểu số 02.

Biểu số 01: ĐIỀU TRA CÂY GỖ

I. Mô tả chung

Số hiệu ô tiêu chuẩn:
Xã: Huyện: Tỉnh:
Tiểu khu: Khoảnh: Toạ độ: X Y
Độ cao tuyệt đối: Độ dốc trung bình: Lập địa:
Trạng thái ô tiêu chuẩn:

II. Điều tra cây gỗ

TT	Tên loài cây gỗ	Chu vi (cm)		Chiều cao (m)		Phẩm chất cây gỗ	Ghi chú
		C1.3	Coo	Hvn	Hdc		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							
4							
5							
6							
...							

Biểu số 02: ĐIỀU TRA ĐỘ TÀN CHE

I. Mô tả chung

Số hiệu ô tiêu chuẩn:
Xã: Huyện: Tỉnh:
Tiểu khu: Khoảnh: Toạ độ: X Y
Trạng thái OTC: Lập địa:

II. Điều tra cây gỗ

TT	TC	TT	TC	TT	TC
1		11		21	
2		12		22	
3		13		23	
4		14		24	
5		15		25	
6		16		26	
7		17		27	
8		18		28	
9		19		29	
10		20		30	

Trong trường hợp tại vị trí hoặc đám rừng trong tuyến không đủ điều kiện để lập OTC thì tiến hành điều tra nhanh để xác định trạng thái, loài cây, trữ lượng rừng (với rừng tự nhiên). Số liệu được ghi vào mẫu biểu 03.

Biểu số 03: MÔ TẢ MẪU KHOÁ ẢNH

Mẫu khoá ảnh số:		Ngày điều tra:					
Vị trí:		Người DT:					
Hướng phơi:		Toạ độ:					
Tỉnh:		Toạ độ X:					
Huyện:		Toạ độ Y:					
Xã:		Độ cao:					
Tiểu khu		Hệ toạ độ:					
Mô tả thực địa		Mô tả ảnh					
Trạng thái:	Hiện tại/lúc thu ảnh		Số hiệu cảnh ảnh:				
Tiết diện ngang ở 5 điểm bitterlich:	G1	G2	G3	G4	G5	GTB	
Chiều cao 5 cây vút ngọn trung bình ở 5 điểm bitterlich	H1	H2	H3	H4	H5	HTB	Thời gian thu nhận ảnh:
Trữ lượng bình quân:							
Độ tàn che trung bình:							
Loài ưu thế:							
Ảnh thực địa							Ảnh
Hướng chụp: Toạ độ điểm đứng chụp: X: Y:				Khoảng cách chụp: Tên tệp ảnh:			

2.3. Phương pháp đánh giá hiện trạng rừng

Hiện trạng rừng tự nhiên và rừng trồng được đánh giá như sau:

- Tiêu chí xác định rừng tự nhiên được quy định tại Điều 4 Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ: Rừng tự nhiên bao gồm rừng nguyên sinh và rừng thứ sinh khi đạt các tiêu chí sau đây:

1. Độ tàn che của các loài cây thân gỗ, tre nứa, cây họ cau (sau đây gọi tắt là cây rừng) là thành phần chính của rừng tự nhiên từ 0,1 trở lên.

2. Diện tích liền vùng từ 0,3 ha trở lên.

3. Chiều cao trung bình của cây rừng là thành phần chính của rừng tự nhiên được phân chia theo các điều kiện lập địa như sau:

a) Rừng tự nhiên trên đồi, núi đất và đồng bằng: chiều cao trung bình của cây rừng từ 5,0 m trở lên, rừng khộp chiều cao trung bình của cây rừng từ 3,0m trở lên;

b) Rừng tự nhiên trên đất ngập nước ngọt: chiều cao trung bình của cây rừng từ 2,0 m trở lên;

c) Rừng tự nhiên trên đất ngập phèn: chiều cao trung bình của cây rừng từ 1,5 m trở lên;

d) Rừng tự nhiên trên núi đá, đất cát, đất ngập mặn và các kiểu rừng ở điều kiện sinh thái đặc biệt khác: chiều cao trung bình của cây rừng từ 1,0 m trở lên.

- Tiêu chí xác định rừng trồng được quy định tại Điều 5 Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ: Rừng trồng bao gồm rừng trồng mới trên đất chưa có rừng, rừng trồng lại sau khai thác hoặc do các nguyên nhân khác, rừng trồng cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt và rừng trồng tái sinh sau khai thác khi đạt các tiêu chí sau đây:

1. Độ tàn che của cây rừng trồng từ 0,1 trở lên.

2. Diện tích liền vùng từ 0,3 ha trở lên.

3. Chiều cao trung bình của cây rừng được phân chia theo các điều kiện lập địa như sau:

a) Rừng trồng trên đồi, núi đất và đồng bằng: chiều cao trung bình của cây rừng từ 5,0m trở lên; rừng trồng trên đất ngập phèn, rừng trồng ở độ cao trên 1.000 m, cây lâm nghiệp đa tác dụng và rừng trồng ở điều kiện sinh thái đặc biệt khác: chiều cao trung bình của cây rừng từ 3,0 m trở lên;

b) Rừng trồng trên núi đá có đất xen kẽ, trên đất ngập nước ngọt: chiều cao trung bình của cây rừng từ 2,0 m trở lên;

c) Rừng trồng trên đất cát, đất ngập mặn: chiều cao trung bình của cây rừng từ 1,0 m trở lên.

- Trạng thái rừng được xác định theo quy định tại Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2.4. Phương pháp xử lý, tổng hợp số liệu

Sau khi hoàn thành các bước công việc nêu trên tiến hành xây dựng bản đồ hiện trạng rừng khu vực khảo sát, trích xuất số liệu theo lô trạng thái gồm: Rừng tự nhiên (phân theo trữ lượng), rừng trồng (phân theo trữ lượng và loài cây), đất không có rừng.

- Hiện trạng rừng (diện tích và trữ lượng rừng) được xác định dựa trên cơ sở:

+ Bản đồ kết quả cập nhật diễn biến rừng năm 2023 của khu vực dự án do Chi cục Kiểm lâm cung cấp.

+ Ảnh vệ tinh chất lượng cao mới nhất;

+ Kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

- Chồng xếp lên các bản đồ quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Đắk Lắk để xác định diện tích các loại rừng tại khu vực khảo sát theo quy định tại Điều 41, Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ;

- Xây dựng bản đồ hiện trạng theo quy định của TCVN 11565:2016. Phần mềm sử dụng để biên tập bản đồ là QGIS. Tỷ lệ bản đồ 1/5.000, hệ tọa độ quốc gia VN-2000, kinh tuyến trục 108 độ 15 phút, múi chiếu 3 độ. Viết thuyết minh kết quả điều tra, khảo sát.

PHẦN III
KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG RỪNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA

I. VỊ TRÍ, PHẠM VI, RANH GIỚI KHU VỰC KHẢO SÁT

Khu vực điều tra, khảo sát đối với khu vực điều chỉnh, bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2: Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 (đoạn qua tỉnh Khánh Hòa) là 1,91 ha trên địa bàn xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà,.

II. HIỆN TRẠNG VÙNG THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Về diện tích

Tổng diện tích trong phạm vi giải phóng mặt bằng đối với khu vực bổ sung, điều chỉnh để thực hiện Dự án thành phần 2: Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 (đoạn qua tỉnh Khánh Hòa) là 1,91 ha, thuộc quy hoạch rừng phòng hộ, bao gồm 7 lô thuộc 3 khoảnh, 2 tiểu khu. Chi tiết diện tích khảo sát đối với khu vực điều chỉnh, bổ sung được thể hiện theo bảng sau:

Bảng 1: Tổng hợp diện tích phân theo địa danh

Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Số lô	Tổng diện tích khảo sát (ha)	Nguồn gốc rừng (ha)		
					Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Chưa có rừng
Ninh Tây	76	1	1	0,35	0,35	0,00	0,00
Ninh Tây	73	9	1	0,02	0,20	0,00	0,00
Ninh Tây	73	11	5	1,54	1,54	0,00	0,00
Tổng			7	1,91	1,91	0,00	0,00

2. Hiện trạng phân theo đối tượng

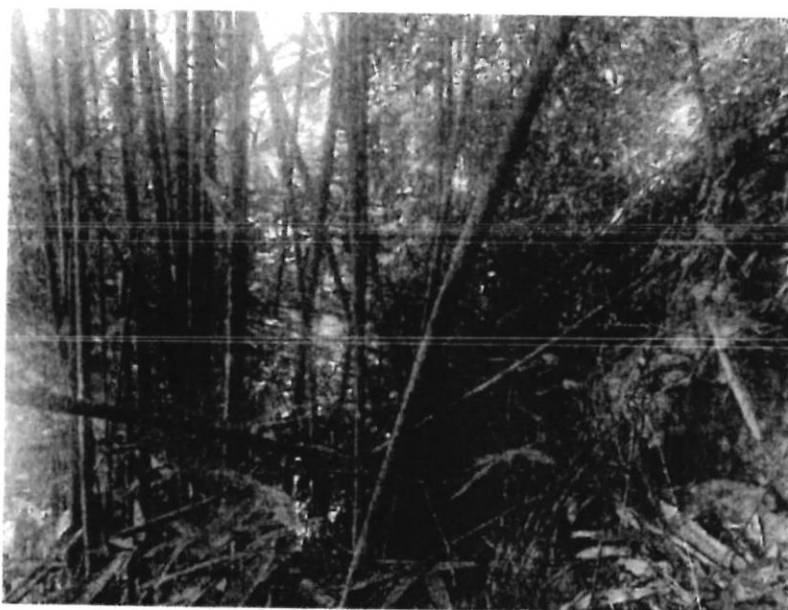
Kết quả khảo sát hiện trạng rừng trong phạm vi diện tích 1,91 ha thuộc quy hoạch rừng phòng hộ, trong đó toàn bộ là rừng tự nhiên, thuộc 7 lô rừng ở xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hoà tại các vị trí như sau:

- Tiểu khu 73 có 6 lô với diện tích 1,56 ha tại các khoảnh 9, 11. Trạng thái rừng là rừng gỗ lá rộng thường xanh nghèo kiệt và rừng hỗn giao gỗ - tre nứa núi đất;

- Tiểu khu 76 có 1 lô với diện tích 0,35 ha tại khoảnh 1. Trạng thái rừng là rừng gỗ lá rộng thường xanh nghèo kiệt núi đất.



Hình 2: Rừng gỗ lá rộng thường xanh nghèo kiệt tại khu vực khảo sát



Hình 3: Rừng hỗn giao gỗ - tre nứa tại khu vực khảo sát

3. Diện tích phân theo quy hoạch 3 loại rừng

Căn cứ bản đồ cập nhật diễn biến rừng năm 2023 do chi cục kiểm lâm cung cấp và bản đồ quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 16/5/2007, toàn bộ diện tích 1,91 ha khảo sát được quy hoạch rừng phòng hộ.

4. Diện tích đề nghị Quyết định chuyển mục đích sử dụng

4.1. Diện tích

Diện tích rừng đề nghị Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là 1,91 ha rừng tự nhiên thuộc khu vực điều chỉnh, bổ sung dự án chiếm dụng.

4.2. Vị trí, địa danh

Tổng số 7 lô rừng tự nhiên đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại khu vực điều chỉnh, bổ sung thuộc 3 khoảnh, 2 tiểu khu trên địa bàn xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, cụ thể :

- Khu vực điều chỉnh, bổ sung chưa thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:

+ Tiểu khu 73: 1,56 ha gồm 6 lô tại các khoảnh 9 và 11;

+ Tiểu khu 76: 0,35 ha gồm 1 lô tại khoảnh 1.

(Chi tiết trong phần phụ lục).

4.3. Loại rừng

Căn cứ bản đồ bản đồ cập nhật diễn biến rừng năm 2023 do chi cục kiểm lâm cung cấp và bản đồ quy hoạch 3 loại rừng được cung cấp theo Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 16/5/2007, khu vực điều chỉnh, bổ sung đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác gồm 1,91 ha được quy hoạch là rừng phòng hộ.

4.4. Trữ lượng rừng

Trữ lượng bình quân rừng tự nhiên khảo sát khoảng 54,1 m³/ha và 1,600 cây tre nửa/ha, tổng trữ lượng ước tính khoảng 103,3 m³ gỗ và 240 cây tre nửa.

4.5. Chủ quản lý

Theo kết quả cập nhật diễn biến rừng, toàn bộ 1,91 ha rừng thuộc khu vực đề nghị quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc quản lý bởi UBND cấp xã.

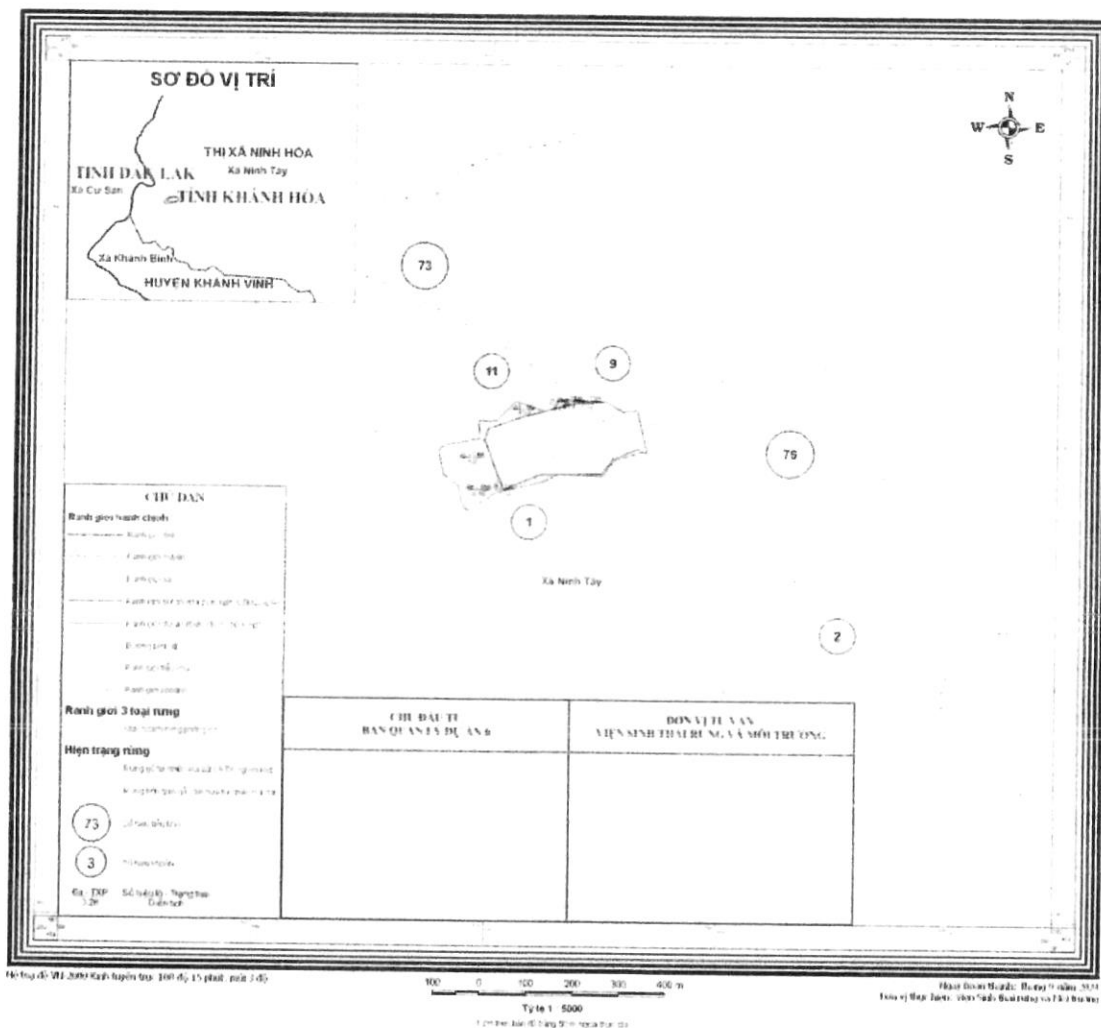
5. Thuyết minh bản đồ hiện trạng rừng

Bản đồ hiện trạng rừng được thành lập từ kết quả điều tra mặt đất kết hợp với rà soát phân tích ảnh vệ tinh. Toàn bộ dữ liệu bản đồ được số hóa và nắn chỉnh về hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, múi chiều 3 độ. Đối chiếu kết quả điều tra thực địa ở trên với tiêu chí xác định rừng quy định tại Điều 4 và Điều 5, Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ và Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hiện trạng khu vực xin chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật được xếp vào trạng thái rừng như sau:

- Rừng gỗ tự nhiên lá rộng thường xanh nghèo kiệt núi đất, ký hiệu là TXK;
- Rừng hỗn giao gỗ - tre nửa tự nhiên núi đất, ký hiệu là HG;

Bản đồ bao gồm 1 mảnh bản đồ tỷ lệ 1:5.000 và được biên tập thành 1 tờ trên toàn bộ tuyến đường thuộc Dự án thành phần 2 (khu vực điều chỉnh, bổ sung) trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

**BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG RỪNG KHU VỰC ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH CHUYỂN ĐỔI MỘT SỐ MỤC ĐÍCH KHÁC
DỰ ÁN THÀNH PHẦN 2: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC KHÁNH HÒA - BUỒN MA THUỘT GIAI ĐOẠN 1
(ĐOẠN QUA TỈNH KHÁNH HÒA)**



Hình 4: Bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng

PHẦN IV KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được xây dựng trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát tháng 08 năm 2024 trong phạm vi diện tích thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà (Dự án thành phần 2), khu vực điều chỉnh, bổ sung. Diện tích khu vực điều tra, khảo sát thực hiện Dự án thành phần 2 là 1,91 ha trên địa bàn xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà.

Diện tích rừng đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là 1,91 ha tại 7 lô rừng tự nhiên chưa chuyển mục đích sử dụng rừng thuộc 3 Khoảnh, 2 Tiểu khu trên địa giới hành chính xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà. Toàn bộ diện tích rừng nêu trên thuộc quản lý của UBND xã Ninh Tây. Trữ lượng bình quân rừng tự nhiên khảo sát khoảng 54,1 m³/ha và 1,600 cây tre nứa/ha tổng trữ lượng ước tính khoảng 103,3 m³ gỗ và 240 cây tre nứa.

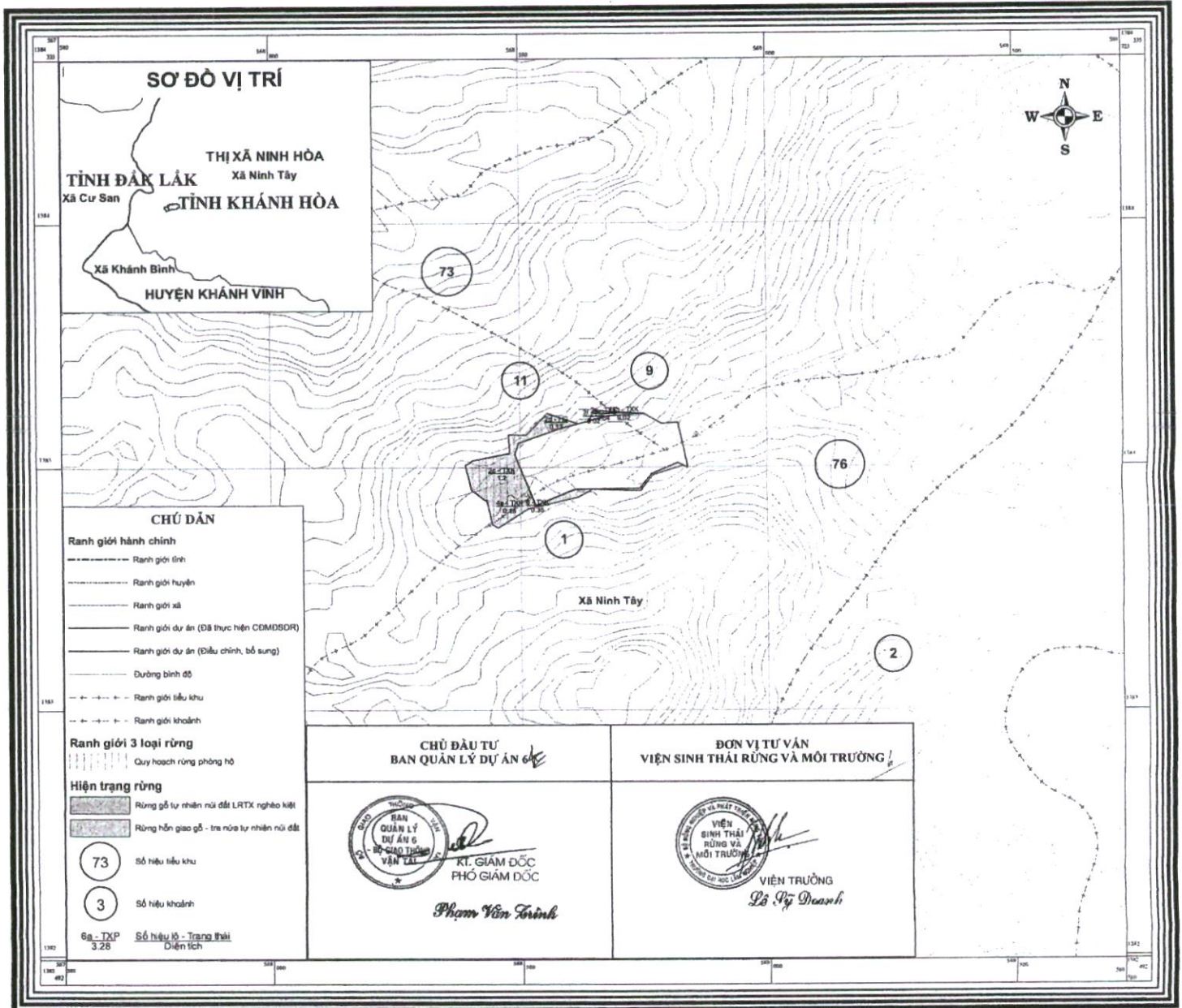
II. KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với diện tích 1,91 ha rừng nêu trên để Ban Quản lý dự án 6 thực hiện các bước tiếp theo./.

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH CÁC LÔ RỪNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG
SANG MỤC ĐÍCH KHÁC**

STT	Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Trạng thái	Diện tích (ha)	Trữ lượng gỗ (m ³)	Trữ lượng tre nứa (1.000 cây/ha)	Quy hoạch
1	Ninh Tây	73	9	11	TXX	0,02	1,1		PH
2	Ninh Tây	73	11	2a	TXX	1,20	64,9		PH
3	Ninh Tây	73	11	2b	HG	0,13	7,0	0,208	PH
4	Ninh Tây	73	11	2c	TXX	0,04	2,2		PH
5	Ninh Tây	73	11	2d	HG	0,02	1,1	0,032	PH
6	Ninh Tây	73	11	4e	TXX	0,15	8,1		PH
7	Ninh Tây	76	1	6	TXX	0,35	18,9		PH
	Tổng cộng					1,91	103,3	0,24	

**BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG RỪNG KHU VỰC ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH CHUYỂN ĐỔI MỖSDR SANG MỤC ĐÍCH KHÁC
 DỰ ÁN THÀNH PHẦN 2: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC KHÁNH HÒA - BUỒN MA THUỘT GIAI ĐOẠN 1
 (ĐOẠN QUA TỈNH KHÁNH HÒA)**



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ

TỈNH ĐÀK LẮK
 Xã Cư San

TỈNH KHÁNH HÒA
 Thị xã Ninh Hòa
 Xã Ninh Tây

Xã Khánh Bình
 HUYỆN KHÁNH VINH

CHÚ DẪN

Ranh giới hành chính

- Ranh giới tỉnh
- Ranh giới huyện
- Ranh giới xã
- Ranh giới dự án (Đã thực hiện COMSDR)
- Ranh giới dự án (Điều chỉnh, bổ sung)
- Đường bình đồ
- Ranh giới tiểu khu
- Ranh giới khoảnh

Ranh giới 3 loại rừng



- Quy hoạch rừng phòng hộ

Hiện trạng rừng

- Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX nghèo kiệt
- Rừng hỗn giao gỗ - tre nứa tự nhiên núi đất

73 Số hiệu tiểu khu
 3 Số hiệu khoảnh

6a - TXP
 328 Số hiệu lô - Trạng thái
 Diện tích

<p>CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN</p>  <p>KI. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC</p> <p><i>Phạm Văn Trịnh</i></p>	<p>ĐƠN VỊ TƯ VẤN VIỆN SINH THÁI RỪNG VÀ MÔI TRƯỜNG</p>  <p>VIỆN TRƯỞNG</p> <p><i>Lê Sỹ Đoàn</i></p>
---	--

Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, múi 3 độ

100 0 100 200 300 400 m

Tỷ lệ 1 : 5000

1 cm trên bản đồ bằng 50 m ngoài thực địa

Ngày hoàn thành: Tháng 9 năm 2024
 Đơn vị thực hiện: Viện Sinh thái rừng và Môi trường

Nghị quyết số: 58/2022/QH15

NGHỊ QUYẾT

**Về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng
đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1**

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14 và Luật số 03/2022/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Sau khi xem xét Tờ trình số 190/TTr-CP ngày 21 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số 954/BC-UBKT15 ngày 05 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Báo cáo số 264/BC-UBTVQH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiếp thu, chỉnh lý và giải trình dự thảo Nghị quyết về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1, các tài liệu liên quan và ý kiến của đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1

Quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 (sau đây gọi là Dự án).

Điều 2

1. Mục tiêu:

Đầu tư Dự án nhằm hình thành trục ngang kết nối vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ, kết nối với các trục dọc, phát huy hiệu quả các dự án đã và đang đầu tư, kết nối các trung tâm kinh tế, cảng biển, đáp ứng nhu cầu vận tải; tạo dư địa, động lực, không gian phát triển vùng Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, xóa đói giảm nghèo; nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, từng bước thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

2. Phạm vi, quy mô, hình thức đầu tư:

u

Đầu tư khoảng 117,5 km, chia thành 03 dự án thành phần theo hình thức đầu tư công; quy mô đầu tư của từng dự án thành phần được xác định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

3. Công nghệ:

Dự án áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm yêu cầu an toàn, đồng bộ, chất lượng và hiệu quả. Khuyến khích ứng dụng công nghệ cao trong tổ chức thi công, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện hình thức thu phí tự động không dừng trong khai thác, vận hành.

4. Nhu cầu sử dụng đất và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Sơ bộ nhu cầu sử dụng đất của Dự án khoảng 938,54 ha, trong đó: đất trồng lúa hai vụ khoảng 133,46 ha, đất nông nghiệp khác khoảng 202,64 ha, đất ở khoảng 29,47 ha, đất trồng cây lâu năm khoảng 48,52 ha, đất rừng sản xuất khoảng 437,57 ha, đất rừng phòng hộ khoảng 33,61 ha, đất khác khoảng 53,27 ha. Giải phóng mặt bằng toàn tuyến một lần theo quy mô quy hoạch.

5. Sơ bộ tổng mức đầu tư và nguồn vốn:

Sơ bộ tổng mức đầu tư của Dự án là 21.935 tỷ đồng (hai mươi một nghìn, chín trăm ba mươi lăm tỷ đồng), trong đó:

a) Nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 là 15.096 tỷ đồng (mười lăm nghìn, không trăm chín mươi sáu tỷ đồng), bao gồm:

- Nguồn vốn ngân sách trung ương là 13.831 tỷ đồng (mười ba nghìn, tám trăm ba mươi một tỷ đồng), trong đó: 6.539 tỷ đồng (sáu nghìn, năm trăm ba mươi chín tỷ đồng) nguồn vốn ngân sách trung ương trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; 572 tỷ đồng (năm trăm bảy mươi hai tỷ đồng) nguồn vốn từ rà soát, sắp xếp lại Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Giao thông vận tải; 2.320 tỷ đồng (hai nghìn, ba trăm hai mươi tỷ đồng) nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và 4.400 tỷ đồng (bốn nghìn, bốn trăm tỷ đồng) nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021;

- Nguồn vốn ngân sách địa phương là 1.265 tỷ đồng (một nghìn, hai trăm sáu mươi lăm tỷ đồng), trong đó: tỉnh Đắk Lắk là 916,5 tỷ đồng (chín trăm mười sáu tỷ, năm trăm triệu đồng) và tỉnh Khánh Hòa là 348,5 tỷ đồng (ba trăm bốn mươi tám tỷ, năm trăm triệu đồng).

b) Nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 là 6.839 tỷ đồng (sáu nghìn, tám trăm ba mươi chín tỷ đồng).

6. Tiến độ thực hiện:

Chuẩn bị đầu tư, thực hiện Dự án từ năm 2022, cơ bản hoàn thành một số đoạn tuyến có lưu lượng giao thông lớn năm 2025, cơ bản hoàn thành toàn tuyến năm 2026 và hoàn thành đưa vào khai thác đồng bộ toàn Dự án năm 2027.



Điều 3

1. Việc triển khai, thực hiện Dự án được áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt sau đây:

a) Chính phủ chỉ đạo Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các Bộ, ngành, các địa phương liên quan xây dựng phương án thu hồi vốn đầu tư Dự án hoàn trả vào ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo tỷ lệ vốn góp đầu tư Dự án;

b) Thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

c) Trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án trong thời gian Quốc hội không họp, Quốc hội ủy quyền Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định;

d) Trình tự, thủ tục, thẩm quyền thẩm định và quyết định đầu tư các dự án thành phần được thực hiện tương tự như đối với dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

đ) Cho phép phân chia Dự án thành các dự án thành phần được xác định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

2. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội trong việc:

a) Tổ chức thực hiện, quản lý và khai thác, vận hành Dự án theo đúng Nghị quyết này và quy định của pháp luật có liên quan, bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình. Quản lý, sử dụng vốn và các nguồn lực tiết kiệm, hiệu quả, phòng chống tham nhũng, tiêu cực; chỉ đạo các địa phương bảo đảm nguồn vốn thực hiện Dự án. Chỉ đạo rà soát và chịu trách nhiệm về tính khả thi của nguồn vốn từ rà soát, sắp xếp lại Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Giao thông vận tải;

b) Tính toán phạm vi và tổng mức đầu tư các dự án thành phần trong bước báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án theo quy định của pháp luật, bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí;

c) Lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện Nghị quyết này, bảo đảm đúng mục tiêu, công khai, minh bạch và hiệu quả, không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí; hằng năm báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về tình hình thực hiện Dự án; thông tin đầy đủ để người dân hiểu, đồng thuận về chủ trương đầu tư và hỗ trợ triển khai Dự án.

3. Thủ tướng Chính phủ chịu trách nhiệm trong việc phân cấp cho các địa phương làm cơ quan chủ quản thực hiện các dự án thành phần theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm tiến độ, chất lượng của các dự án thành phần đó; xem xét, quyết định giao cho một cơ quan làm đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Dự án bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ toàn Dự án.

4. Các địa phương chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc bảo đảm

4

nguồn vốn theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Nghị quyết này và tiến độ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án. Trường hợp chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn của địa phương tăng hoặc giảm so với chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong sơ bộ tổng mức đầu tư của Dự án, địa phương đó có trách nhiệm cân đối nguồn vốn từ ngân sách địa phương theo tỷ lệ vốn góp chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án. Cơ quan được giao làm cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm bảo đảm tiến độ, chất lượng của dự án thành phần được giao.

Điều 4

1. Kiểm toán nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, kiểm toán việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Kinh tế, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2022.



Vương Đình Huệ

PHỤ LỤC

Danh mục các dự án thành phần thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022)

TT	Dự án thành phần	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô		Sơ bộ tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (tỷ đồng)	Địa điểm xây dựng
			Số làn xe (theo phân kỳ đầu tư)	Cấp đường (km/h)			
1	Dự án thành phần 1	32,0	4	100	5.632	467	Tỉnh Khánh Hòa
2	Dự án thành phần 2	37,5	4	80-100	9.818	245	Tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Đắk Lắk
3	Dự án thành phần 3	48,0	4	100	6.485	1.588	Tỉnh Đắk Lắk
Tổng cộng		117,5			21.935	2.300	

Số: 238/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư Dự án thành phần 2 thuộc
Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột
giai đoạn 1**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ các Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công ngày 11/01/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ về triển khai Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 17/2022/QĐ-TTg ngày 28/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân cấp thực hiện các dự án, dự án thành phần đầu tư các đoạn tuyến đường bộ cao tốc theo hình thức đầu tư công thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

11.

Căn cứ Quyết định số 1056/QĐ-BGTVT ngày 01/8/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc giao nhiệm vụ cho Ban Quản lý dự án 6 làm Chủ đầu tư bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

Căn cứ Quyết định số 1376/QĐ-BGTVT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ văn bản số 278/BC-MTTQ-BTT ngày 04/11/2022 của Ban thường trực Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Khánh Hòa tổng hợp ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ văn bản số 443/BC-MTTQ-BTT ngày 15/11/2022 của Ban thường trực Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đắk Lắk Tổng hợp ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 3702/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ văn bản số 1245/TTg-CN ngày 29/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thành phần 2 thuộc dự án DTXD đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ văn bản số 9128/UBND-CN ngày 25/10/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thống nhất hướng tuyến bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần 2, 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ văn bản số 10630/UBND-CN ngày 02/11/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc góp ý hướng tuyến bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ văn bản số 4598/BQP-TM ngày 29/12/2022 của Bộ Quốc phòng về việc thống nhất hướng tuyến Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ văn bản số 738/VPCP-CN ngày 09/02/2023 của Văn phòng Chính phủ về việc hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi các Dự án thành phần thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ văn bản số 8523/BGTVT-CQLXD ngày 18/8/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc triển khai Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ về Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ văn bản số 11302/BGTVT-CQLXD ngày 28/10/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc định hướng một số nguyên tắc, giải pháp thiết kế lập hồ sơ

Ư

BCNCKT, thiết kế hình học và cắm cọc GPMB. MLG thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Xét Tờ trình số 13/TTr-BQLDA6 ngày 03/3/2023 của Ban Quản lý dự án 6 về việc trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 kèm theo tiếp thu giải trình các ý kiến về hồ sơ Báo cáo NCKT của Dự án; Báo cáo thẩm tra số 109/Cty TN-TTTC ngày 30/12/2022, số 3018/VKT-GXD ngày 30/12/2022, số 74/VKT-GXD ngày 11/01/2023 và số 400/VKT-GXD ngày 02/3/2023 của Tư vấn thẩm tra; hồ sơ Báo cáo NCKT Dự án; ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đầu tư xây dựng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 493/CQLXD-QLXD3 ngày 09/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án 6.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư và giải pháp thiết kế chủ yếu

4.1. Mục tiêu đầu tư: Nhằm hình thành trục ngang kết nối vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ, kết nối với các trục dọc, phát huy hiệu quả các dự án đã và đang đầu tư, kết nối các trung tâm kinh tế, cảng biển, đáp ứng nhu cầu vận tải; tạo dư địa, động lực, không gian phát triển vùng Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, xóa đói giảm nghèo; nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, từng bước thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

4.2. Phạm vi dự án

- Điểm đầu: Tại Km32+000 kết nối với điểm cuối Dự án thành phần 1, thuộc địa bàn thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Điểm cuối: Tại Km68+854,48 (trùng với Km69+500, điểm dự kiến kết thúc Dự án thành phần 2) kết nối với điểm đầu Dự án thành phần 3 thuộc địa bàn huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Tổng chiều dài tuyến khoảng 36,987km, tuyến đi qua thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa và các huyện M'Đrăk, Krông Bông, Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

4.3. Quy mô đầu tư xây dựng

4.3.1. Đường cao tốc

a) Cấp đường: Đường cao tốc cấp 100, vận tốc thiết kế $V_{tk}=100\text{km/h}$ theo tiêu chuẩn TCVN 5729:2012 “Đường ô tô cao tốc - Yêu cầu thiết kế”, đoạn khó khăn chậm chước với vận tốc thiết kế $V_{tk}=80\text{km/h}$.

b) Mặt cắt ngang: Giai đoạn hoàn chỉnh quy mô 04 làn xe với bề rộng nền đường $B_{nền}=24,75\text{m}$. Giai đoạn phân kỳ quy mô 04 làn xe với bề rộng nền đường $B_{nền}=17,0\text{m}$; các đoạn nền đường đào sâu tùy theo địa hình, địa chất từng đoạn thiết kế mặt cắt ngang theo giai đoạn hoàn chỉnh.

c) Mặt đường

- Tuyến chính: Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 191\text{Mpa}$.

- Các nhánh nút giao liên thông: Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 160\text{Mpa}$.

d) Công trình cầu

- Công trình cầu thiết kế bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực theo tiêu chuẩn TCVN 11823:2017 “Thiết kế cầu đường bộ”.

- Khổ cầu phù hợp khổ nền đường.

- Tải trọng thiết kế HL93.

đ) Nút giao: Xây dựng 01 nút giao liên thông với đường Trường Sơn Đông đảm bảo tĩnh không đường bộ và khai thác an toàn, thuận lợi.

e) Tần suất thiết kế: Thiết kế đảm bảo tần suất $P = 1\%$.

4.3.2. Đường gom, đường ngang, hoàn trả đường dân sinh

- Cấp đường, mặt cắt ngang: phù hợp với đường hiện hữu, đường giao thông nông thôn loại A, B theo tiêu chuẩn TCVN 13080:2014 “Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế”.

- Tần suất thiết kế: Tần suất thiết kế theo quy định của cấp đường hoặc phù hợp với hiện trạng.

- Mặt đường: Bê tông nhựa, láng nhựa hoặc bê tông xi măng phù hợp với kết cấu mặt đường hiện trạng.

4.4. Giải pháp thiết kế chủ yếu

4.4.1. Hướng tuyến, bình đồ

- Hướng tuyến: Từ vị trí điểm đầu tại Km32+000 thuộc thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, tuyến khớp nối với Dự án thành phần 1 đi xuyên qua núi Chư Bli bằng hầm Phụng Hoàng, bám sườn núi và vượt sông Chò, tuyến đi theo sườn phía Nam của dãy núi Chư Noun Ngai, đi về phía Bắc (thuộc địa bàn các buôn thôn 4, thôn 9, xã Cư San), đến khoảng Km43+685 xuyên núi bằng hầm Ea Trang 1. Tuyến tiếp tục đi bám sườn núi bằng cầu cạn, vượt mom núi bằng công trình hầm Ea Trang 2, đến khoảng Km46+300, tuyến rẽ phải vượt suối và đi qua vị trí

Ch

yên ngựa tại khoảng Km47+400, tiếp tục đi bám theo địa hình, vượt sông Krông Pắc, đi về phía Nam của Buôn Cư Dhat. Sau đó tuyến đi song song về phía Đông Nam đường Trường Sơn Đông (khoảng 50-100m), tuyến vượt đường Trường Sơn Đông tại khoảng Km54+700, cắt qua sông Eo Lách và sông Ea Tông, đến Km61 tuyến rẽ phải về phía Bắc và đi xuyên núi bằng hầm Chư Te, vượt sông Ea Dâng đi về phía Bắc hồ Ea rớt và kết nối với điểm đầu Dự án thành phần 3 tại Km68+854,48 (trùng với Km69+500, điểm dự kiến kết thúc Dự án thành phần 2) thuộc địa bàn huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Bình diện tuyến thiết kế đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật của cấp đường, phù hợp với các quy hoạch có liên quan, giảm thiểu tối đa khối lượng giải phóng mặt bằng.

4.4.2. Trắc dọc

Thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của đường ô tô cao tốc, có xét đến giải pháp đầu tư giai đoạn hoàn chỉnh, đảm bảo tần suất thiết kế, phù hợp với điều kiện địa hình khu vực tuyến, đáp ứng tình hình không yêu cầu tại các vị trí giao cắt với đường quốc lộ, đường địa phương, đáp ứng yêu cầu kinh tế - kỹ thuật.

4.4.3. Mặt cắt ngang

a) Đường cao tốc: Giai đoạn hoàn chỉnh quy mô 04 làn xe với bề rộng nền đường $B_{nền} = 24,75m$. Giai đoạn phân kỳ quy mô 04 làn xe với bề rộng nền đường $B_{nền} = 17,0m$; các đoạn nền đường đào sâu tùy theo địa hình, địa chất từng đoạn tuyến thiết kế mặt cắt ngang theo giai đoạn hoàn chỉnh.

b) Đường gom, đường ngang, hoàn trả đường dân sinh: Theo quy mô $B_{nền} = 5,0m$, $B_{mặt} = 3,5m$ đường giao thông nông thôn loại B hoặc $B_{nền} = 6,0m$, $B_{mặt} = 5,0m$ đường giao thông nông thôn loại A (khu vực miền núi); đoạn đi trùng đường hiện trạng, thực hiện hoàn trả theo quy mô đường hiện trạng.

4.4.4. Nền đường

a) Tuyến cao tốc

- Nền đường đắp

+ Đảm bảo yêu cầu về độ chặt và khả năng chịu tải của đất nền theo tiêu chuẩn áp dụng cho đường ô tô cao tốc. Trước khi đắp nền đường thực hiện đào bỏ lớp đất không thích hợp và đánh cấp (nếu có).

+ Độ dốc mái taluy bên trái (bên hoàn thiện) áp dụng là 1/2; độ dốc mái taluy bên phải (bên phân kỳ) áp dụng là 1/1,5; đối với các vị trí đắp cao trên 8,0m, nền đường được giạt cấp, chiều cao mỗi cấp là 6,0m, giữa các cấp tạo một bậc thêm rộng $B = 2,0m$.

- Nền đường đào: Độ dốc mái taluy từ 1/0,5 đến 1/1,75 tùy thuộc vào điều kiện địa chất. Khi chiều sâu đào > 8m được đào giạt cấp, chiều cao mỗi bậc từ 8 - 12m (tùy theo địa chất), giữa các bậc bố trí rãnh bậc rộng 2m.

- Xử lý nền đất yếu: Sử dụng các giải pháp thiết kế, biện pháp xử lý nền đất yếu cho phù hợp, đảm bảo yếu tố kinh tế - kỹ thuật.

b) Đường gom, đường ngang, đường hoàn trả: Theo yêu cầu kỹ thuật của cấp

đường tương ứng.

4.4.5. Mặt đường

a) Đường cao tốc: Mặt đường cấp cao A1 đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu; lớp mặt trên cùng bằng hỗn hợp bê tông nhựa cải thiện, lớp mặt chịu lực bằng bê tông nhựa chặt; tầng móng trên bằng các lớp hỗn hợp nhựa bán rỗng, hỗn hợp cấp phối đá dăm gia cố xi măng; tầng móng dưới bằng cấp phối đá dăm.

b) Các nhánh nút giao: Mặt đường cấp cao A1 đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu; lớp mặt trên cùng bằng hỗn hợp bê tông nhựa cải thiện, lớp mặt chịu lực bằng bê tông nhựa chặt; tầng móng trên bằng các lớp hỗn hợp nhựa bán rỗng; tầng móng dưới bằng cấp phối đá dăm.

c) Đường ngang, đường gom, đường hoàn trả: Bê tông nhựa, láng nhựa hoặc bê tông xi măng phù hợp với kết cấu mặt đường hiện trạng.

4.4.6. Thiết kế giao cắt

Giao cắt liên thông: Đầu tư xây dựng 01 nút giao liên thông khác mức với đường Trường Sơn Đông đảm bảo các nhánh kết nối phù hợp với quy mô giai đoạn hoàn chỉnh.

Giao cắt trực thông: Đầu tư xây dựng 20 hầm chui và 01 cầu vượt trực thông trên tuyến; kết cấu bằng bê tông cốt thép.

4.4.7. Công trình cầu: Đầu tư xây dựng 38 cầu trên tuyến chính.

a) Mặt cắt ngang cầu

- Cầu trên đường cao tốc: Bề rộng cầu phù hợp với khổ nền đường:

- Giai đoạn phân kỳ: Xây dựng đơn nguyên cầu quy mô $B_{\text{cầu}} = 17,5\text{m}$; gồm 4 làn xe $4 \times 3,5\text{m} = 14,0\text{m}$; dải phân cách giữa và dải an toàn $3 \times 0,5\text{m} + 2 \times 0,5\text{m} = 2,5\text{m}$; lan can $2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$. Dốc ngang hai mái (các cầu nằm trong đường cong theo độ dốc siêu cao), đảm bảo 4 làn xe cơ giới, tim cầu phân kỳ trùng với tim tuyến giai đoạn phân kỳ.

- Giai đoạn hoàn thiện: xây dựng mở rộng cầu (mở rộng 7,5m) để đảm bảo quy mô $B = 25\text{m}$; tổ chức lại giao thông trên cầu phù hợp với quy mô giai đoạn hoàn thiện.

- Đối với các cầu đầu hầm: xây dựng hoàn thiện 02 đơn nguyên cầu với quy mô mỗi đơn nguyên 12,5m để phù hợp với đường dẫn vào hầm.

- Các cầu nằm trong đường cong được mở rộng đảm bảo tầm nhìn theo quy định của tiêu chuẩn thiết kế đường cao tốc TCVN 5729-2012.

b) Kết cấu phần trên: Sử dụng dầm I BTCT DƯL, dầm bản BTCT DƯL, nhịp dầm bản BTCT thường và dầm Super-T, đảm bảo tính không đường chui theo các thỏa thuận với địa phương và các cơ quan có thẩm quyền.

c) Kết cấu phần dưới: Mố, trụ bằng bê tông cốt thép đặt trên nền thiên nhiên hoặc hệ móng cọc bê tông cốt thép. Kết cấu móng, mố trụ, chiều dài cọc dự kiến sẽ được chuẩn xác trong bước thiết kế tiếp theo.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

4.4.8. Công trình hầm

Dự án có 04 công trình hầm, cụ thể:

T T	Tên hầm	Nhánh hầm	Dự kiến lý trình cửa Đông	Dự kiến lý trình cửa Tây	Chiều dài hầm dự kiến (m)
1	Phượng Hoàng	Nhánh Trái	Km32+288	Km33+993	1705
		Nhánh Phải	Km32+293	Km33+993	1700
2	Ea Trang 1	Nhánh Trái	Km 43+495,72	Km 43+875,72	380
		Nhánh Phải	Km 43+495,72	Km 43+875,72	380
3	Ea Trang 2	Nhánh Trái	Km 45+650	Km 46+100	450
		Nhánh Phải	Km 45+666,4	Km 46+106,4	440
4	Chư Te	Nhánh Trái	Km 63+605,47	Km 63+870,47	265
		Nhánh Phải	Km 63+608,86	Km 63+846,86	238

- Giai đoạn phân kỳ đầu tư hoàn chỉnh 02 ống hầm để phục vụ khai thác.

- Vị trí cửa hầm được dự kiến đặt ở khu vực đất đá ổn định, tránh vùng sạt trượt lở, vùng có mực nước ngầm cao và khe tụ thủy. Vị trí cửa hầm sẽ được xác định trong bước tiếp theo trên cơ sở số liệu khoan địa chất.

- Mặt cắt ngang gồm: 02 hầm đơn (giai đoạn phân kỳ đầu tư hoàn chỉnh mỗi hầm lưu thông một chiều 02 làn xe), tim hầm cách nhau khoảng 30÷35m. Mặt cắt ngang mỗi hầm có chiều rộng $B_{h\grave{a}m}=10,55m$, bao gồm 02 làn xe cơ giới $B_{cg}=2 \times 3,75m=7,5m$, dải an toàn $B_{at}=0,75+1,0m=1,75m$, đường bảo dưỡng hầm $B_{bd}=1,0m$, gờ chắn bánh $B_{cb}=0,3m$. Riêng hầm Phượng Hoàng có bố trí 03 hầm ngang phục vụ cứu hộ, cứu nạn, thoát hiểm khi xảy ra sự cố, trong đó: 02 hầm ngang có bề rộng $B=4,7m$, đảm bảo tính không đứng 3,2m cho xe ô tô và người đi bộ; 01 hầm ngang ở giữa có bề rộng $B=6m$, đảm bảo tính không đứng 4,5m cho cả xe cứu hỏa, xe ô tô và người đi bộ. Dự kiến bố trí làn dừng xe khẩn cấp (hầm Phượng Hoàng có 07 vị trí; hầm EaTrang 1, hầm EaTrang 2 và hầm Chư Te: không bố trí) mở rộng thêm 2,0m, bề rộng hầm $B=12,55m$ (tính cho 1 bên hầm). Tính không hầm $H=5,0m$.

- Kết cấu chính trong hầm: Xây dựng kết cấu chông đỡ đảm bảo khả năng chịu lực, ổn định công trình hầm; vỏ hầm bằng bê tông, bê tông cốt thép. Mặt đường bê tông xi măng trên lớp cấp phối đá dăm gia cố xi măng.

- Hệ thống thoát nước: Xây dựng hệ thống thoát nước đảm bảo thoát nước ngầm, thu nước mặt để xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Thiết bị vận hành khai thác hầm: Đầu tư hệ thống thiết bị vận hành khai thác đảm bảo an toàn, liên tục và đảm bảo khả năng xử lý sự cố.

- Công trình khác: Bố trí tại khu vực đầu hầm.

4.4.9. Hệ thống thoát nước

- Hệ thống thoát nước ngang: Xây dựng hệ thống thoát nước ngang bảo đảm thoát nước và phục vụ thủy lợi.

- Hệ thống thoát nước dọc: Xây dựng mới hệ thống rãnh dọc, rãnh biên... bảo đảm thoát nước nền, mặt đường.

- Hoàn trả kênh, mương đối với các đoạn tuyến đi trùng hệ thống kênh, mương hiện hữu.

4.4.10. Đường gom, đường ngang, hoàn trả đường dân sinh: Đầu tư xây dựng hệ thống đường gom, đường ngang, hoàn trả đường dân sinh dọc hai bên tuyến (không liên tục) với quy mô tối thiểu theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B; kết cấu mặt đường bê tông nhựa, láng nhựa hoặc bê tông xi măng phù hợp với kết cấu mặt đường hiện trạng. Chiều dài, phạm vi, kết cấu mặt đường sẽ được tiếp tục xác định chính xác trong bước thiết kế tiếp theo.

4.4.11. Công trình phục vụ khai thác

Hệ thống giao thông thông minh (ITS), hệ thống thu phí: Đầu tư xây dựng một số hạ tầng kỹ thuật của hệ thống giao thông thông minh (phần móng cột, bê tông cốt thép, ống bảo vệ).

4.4.12. Các công trình khác

- Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT; dải phân cách giữa bằng bê tông cốt thép có thiết kế chống chói.

- Hàng rào: Bố trí hàng rào bảo vệ dọc theo hai bên tuyến.

- Công trình phòng hộ: Gia cố mái taluy bằng trồng cỏ, tấm ốp bê tông, khung bê tông kết hợp đinh neo, đá học xây... đảm bảo ổn định công trình.

- Tường chắn: Bố trí tường chắn bê tông xi măng, bê tông cốt thép, tường chắn có cốt,... tại các vị trí hạn chế mặt bằng hoặc địa hình khó khăn.

- Điện chiếu sáng: Bố trí tại nút giao liên thông trên tuyến và các công trình hầm.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP (TEDI), Công ty Cổ phần TVTK Đường bộ (HECO), Công ty Cổ phần TVTK Cầu lớn hầm (BRITEC) và Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z (A2Z).

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm: Thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa và các huyện M'Đrăk, Krông Bông, Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Diện tích đất sử dụng: Khoảng 298,26 ha.

7. Nhóm dự án: loại, cấp công trình chính: thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế

- Nhóm dự án: Dự án quan trọng quốc gia.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ, cấp I, riêng hầm Phụng Hoàng có chiều dài 1700m theo quy định Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 là công trình giao thông đường bộ cấp đặc biệt.

- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: Theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- Thiết kế 03 bước: Thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công.

- Danh mục tiêu chuẩn: Theo Quyết định số 1376/QĐ-BGTVT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

9. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư: 10.436.543.060.000 đồng (Mười nghìn bốn trăm ba mươi sáu tỷ, năm trăm bốn mươi ba triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong đó:

- Chi phí GPMB, bồi thường, hỗ trợ TĐC: (đã bao gồm dự phòng)	246,451	tỷ đồng
- Chi phí xây dựng:	8.600,675	tỷ đồng
- Chi phí thiết bị:	131,144	tỷ đồng
- Chi phí QLDA, tư vấn, chi phí khác:	504,346	tỷ đồng
- Chi phí dự phòng:	953,926	tỷ đồng

10. Tiến độ thực hiện dự án: Chuẩn bị đầu tư, thực hiện Dự án từ năm 2022, cơ bản hoàn thành một số đoạn tuyến có lưu lượng giao thông lớn năm 2025, cơ bản hoàn thành tuyến năm 2026 và hoàn thành đưa vào khai thác đồng bộ toàn Dự án năm 2027.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội.

- Dự kiến phân bổ vốn theo tiến độ Dự án và Nghị quyết số 58/2022/QH15 của Quốc hội: Năm 2022: 25 tỷ đồng; năm 2023: 3.105,963 tỷ đồng; năm 2024: 3.130,963 tỷ đồng; năm 2025: 3.130,963 tỷ đồng; năm 2026: 1.043,654 tỷ đồng.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Áp dụng hình thức Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực.

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

CC

- Giải phóng mặt bằng cho quy mô giai đoạn hoàn chỉnh 04 làn xe theo Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1; Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản số văn bản số 1245/TTg-CN ngày 29/12/2022.

- Phạm vi được xác định theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 và Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Tổng diện tích thu hồi đất khoảng 298,26ha.

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đã bao gồm dự phòng): 246,451 tỷ đồng.

- Tổ chức thực hiện: công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được tách thành tiểu dự án riêng do UBND tỉnh Khánh Hòa và UBND tỉnh Đắk Lắk tổ chức thực hiện theo quy định.

14. Các nội dung khác

Ban Quản lý dự án 6 chịu trách nhiệm:

- Chỉ đạo tư vấn hoàn thiện hồ sơ theo Báo cáo thẩm định số 493/CQLXD-QLXD3 ngày 09/3/2023 và ý kiến của các cơ quan liên quan. Trong bước tiếp theo, căn cứ kết quả khảo sát chi tiết, chỉ đạo tư vấn chuẩn xác các số liệu tính toán và lựa chọn giải pháp thiết kế tối ưu: tính toán thủy văn, khả năng thoát lũ; xác định cụ thể phạm vi đường gom, đường công vụ; giải pháp xử lý nền đường; chiều dày các lớp kết cấu áo đường; giải pháp gia cố mái taluy; giải pháp móng, mố trụ cầu, tường chắn, hầm chui; giải pháp kết cấu, sơ đồ nhịp... đảm bảo kinh tế - kỹ thuật, ổn định và bền vững công trình.

- Lập kế hoạch, tiến độ tổng thể, chi tiết để triển khai Dự án, tuân thủ quy định, phù hợp với tiến độ triển khai, hoàn thành Dự án theo Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội, Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ và kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

- Tiếp tục rà soát, cập nhật, bổ sung tiêu chuẩn (nếu có) vào danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho dự án theo quy định làm cơ sở thiết kế, thi công, nghiệm thu các hạng mục công trình,...

- Xây dựng, đăng ký nhu cầu vốn hàng năm đảm bảo cân đối, bố trí đủ vốn cho Dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng và các chủ đầu tư dự án khác có liên quan để kiểm tra, rà soát khối lượng, chi phí giải phóng mặt bằng phù hợp với dự án được phê duyệt, tránh việc thanh toán trùng lặp, đảm bảo chặt chẽ về thủ tục, tuân thủ quy định.

- Làm việc với địa phương, xác định cụ thể, chuẩn xác nguồn cung cấp vật liệu, vị trí đổ vật liệu thải trong quá trình thi công.

- Khớp nối với các dự án liên quan để chuẩn xác phạm vi thiết kế, đầu tư xây dựng.

- Quản lý chặt chẽ chất lượng, tiến độ và chi phí đầu tư xây dựng, bảo đảm

tuân thủ quy định, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, không để thất thoát, lãng phí.

- Thực hiện bảo vệ môi trường theo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 3702/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2022 và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đồng thời cập nhật (nếu có) về các ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về PCCC.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ban Quản lý dự án 6 thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Chủ đầu tư trong việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, lựa chọn nhà thầu để triển khai thực hiện Dự án tuân thủ quy định; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trong quá trình quản lý, thực hiện Dự án, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

Trên cơ sở hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt, Ban Quản lý dự án 6 khẩn trương chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát, cập nhật hồ sơ thiết kế cắm cọc giải phóng mặt bằng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ và hoàn thiện các thủ tục liên quan, bàn giao cho các Chủ đầu tư tiểu dự án thành phần giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện Dự án đảm bảo tiến độ yêu cầu.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Đầu tư, Kết cấu hạ tầng giao thông, Khoa học - Công nghệ và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng các Cục: Đường cao tốc Việt Nam, Đường bộ Việt Nam, Quản lý đầu tư xây dựng; Giám đốc Ban Quản lý dự án 6 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước TW;
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- UBND tỉnh Đắk Lắk;
- Các đơn vị có liên quan (Ban QLDA 6 sao gửi);
- Lưu: VT, CQLXD (03).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Anh Tuấn

PHỤ LỤC

Dự kiến phương án xây dựng công trình cầu - Dự án thành phần 2
thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma

Thuật giai đoạn 1

(Kèm theo Quyết định số 259/QĐ-BGTVT ngày 10/3/2023 của Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải)

TT	Tên công trình	Loại địa hình vượt	Lý trình	Sơ đồ	Chiều dài (m)	Bề rộng (m)	Loại kết cấu nhịp
1	Cầu Cửa Tây – Nhánh trái	Địa hình	Km34+334	39,1+5x40+39,1	283,80	12,5	Dầm Super T
	Cầu Cửa Tây – Nhánh phải		Km34+319	29,1+6x40+39,1	313,80	12,5÷15,5	
2	Cầu Cự San 1	Địa hình	Km34+848	39,1+4x40+39,1 +76,5	322,45	20,05	Dầm Super T + Dầm bản
3	Cầu Sông Chò	Sông Chò	Km36+097	39,1+12x40+ 39,1	568,10	17,50	Dầm Super T
4	Cầu Cự San 3	Địa hình	Km39+652	39,1+4x40+39,1	246,40	17,50	Dầm Super T
5	Cầu Cự San 4	Địa hình	Km40+330	39,1+10x40+ 39,1	485,10	17,50	Dầm Super T
6	Cầu Cự San 5	Địa hình	Km41+027	39,1+3x40+39,1	205,1	17,50	Dầm Super T
7	Cầu Cự San 6	Địa hình	Km41+242	4x33	137,75	17,50	Dầm I33
8	Cầu Cự San 7	Địa hình	Km41+465	39,1+3x40+39,1	206,40	17,50	Dầm Super T
9	Cầu Cự San 8	Địa hình	Km41+742	3x33	107,30	17,50	Dầm I33
10	Cầu Cự San 9	Địa hình	Km42+539	39,1+2x40+39,1 +79,6+39,1+ 10x40+ 39,1	721,80	17,50	Dầm Super T + Dầm bản
11	Cầu Km43+260	Địa hình	Km43+260	39,1+2x40+39,1	169,40	12,5	Dầm Super T
				39,1+2x40+39,1	172,38	12,5	Dầm Super T
12	Cầu Km43+970	Suối	Km43+970	1x 38,2	51,40	13,1	Dầm Super T
				1x 38,2	54,40	15,1	Dầm Super T
13	Cầu Km44+365	Địa hình	Km44+365	39,1+4x40+39,1	250,40	24,75	Dầm Super T
				39,1+5x40+39,1	287,40		Dầm Super T
14	Cầu Km44+875	Địa hình	Km44+875	39,3+6x40,4+40 ,2+2x40+40,2+4 x40,4+39,3	654,18	12,5	Dầm Super T

TT	Tên công trình	Loại địa hình vượt	Lý trình	Sơ đồ	Chiều dài (m)	Bề rộng (m)	Loại kết cấu nhịp
				39,3+6x40,4+40,2+2x40+40,2+5x40,4+39,3	694,59	12,5	Dầm Super T
15	Cầu Km45+469	Địa hình	Km45+469	39,1+5x40+39,1	289,41	12,5	Dầm Super T
				39,1+5x40+39,1	292,41	12,5	Dầm Super T
16	Cầu Km46+141	Khe	Km46+141	2x33	77,15	12,5	Dầm I33
				2x33	78,15	12,5	Dầm I33
17	Cầu Km46+360	Địa hình	Km46+360	33,9+4x34,8+33,9	221,20	12,5	Dầm I33
				33,9+4x34,8+33,9	219,20	12,5	Dầm I33
18	Cầu Km46+839	Địa hình	Km46+839	34,1+5x35,2+34,1	255,94	13,8	Dầm I33
				34,1+10x35,2+34,1	430,48	13,8	Dầm I33
19	Cầu Km47+046	Địa hình	Km47+046	1x33	41,60	12,5	Dầm I33
20	Cầu Km48+993	Suối	Km48+993	1x24	36,10	17,5	Dầm I24
21	Cầu Km49+916	Suối	Km49+916	1x33	49,10	17,5	Dầm I33
22	Cầu Không Pách	Vượt sông	Km50+398	39,1+3x40+39,1	211,6	17,5	Dầm Super T
23	Cầu trực thông	Vượt TSD	Km54+731	39,1+2x40+39,1	175,40	17,5	Dầm Super T
24	Cầu Km55+887	Khe	Km55+877	2x39,1	89,9	17,5	Dầm Super T
25	Cầu Km56+041	Khe	Km56+041	3x33	110,75	17,5	Dầm I33
26	Cầu Km56+409	Khe	Km56+409	39,35+40,5+40,3+40,1+7x40+39,1	488,55	17,5	Dầm Super T
27	Cầu Km57+084	Khe	Km57+084	39,1+9x40+39,1	448,9	17,5	Dầm Super T
28	Cầu Km59+065	Khe	Km59+065	39,1+2x40+39,1	175,40	17,5	Dầm Super T
29	Cầu Km59+500	Khe	Km59+500	3x33	116,30	17,5	Dầm I33
30	Cầu Km62+525 - Nhánh phải	Địa hình	Km62+525	39,1+3x40+39,1	208,4	12,5	Dầm Super T

TT	Tên công trình	Loại địa hình vượt	Lý trình	Sơ đồ	Chiều dài (m)	Bề rộng (m)	Loại kết cấu nhịp
	Cầu Km62+525 - Nhánh trái		Km62+525	39,1+3x40+39,1	208,4	12,5	
31	Cầu Km62+940 - Nhánh phải	Địa hình	Km62+940	39,1+5x40+39,1	284,4	12,5	Dầm Super T
	Cầu Km62+940 - Nhánh trái		Km62+940	39,1+5x40+39,1	284,4	12,5	
32	Cầu Km63+420 - Nhánh phải	Địa hình	Km63+420	39,1+3x40+39,1	216,4	12,5	Dầm Super T
	Cầu Km63+360 - Nhánh trái		Km63+360	39,1+40+39,1	124,4	12,5	
33	Cầu Km64+120 - Nhánh phải	Địa hình	Km64+120	9+12+9+39,1+10x40+39,1	513,35	12,5	Dầm Super T + Dầm bản
	Cầu Km64+120 - Nhánh trái		Km64+120	7+12x3+7+39,1+8x40+39,1	452,4	12,5	
34	Cầu Km65+105	Địa hình	Km65+105	39,1+40+39,1+7,35+12x2+7,35+39,1+4x40+39,1	403,5	17,50	Dầm Super T + Dầm bản
35	Cầu Km65+485	Địa hình	Km65+485	39,1+6x40+39,1	326,42	18,3	Dầm Super T
36	Cầu Km66+585	Suối	Km41+736	39,1+3x40+39,1	201,1	17,50	Dầm Super T
37	Cầu Ea Mao Km67+279,25	Suối	Km67+279,25	39,1+3x40+39,1	213,4	17,50	Dầm Super T
38	Cầu Ea Bênh Km68+113,43	Suối	Km68+113,43	39,1+40+39,1	133,4	17,50	Dầm Super T

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3702 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét Công văn số 7354/BTNMT-TCMT ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường và báo cáo của Tổng cục Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 (sau đây gọi là Dự án) thực hiện tại thị xã Ninh Hòa, thuộc tỉnh Khánh Hòa và các huyện M'Đrăk, Krông Bông, Ea Kar, thuộc tỉnh Đắk Lắk được lập bởi Ban Quản lý dự án 6 (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để b/c);
- Ban Quản lý dự án 6 (Bộ GTVT);
- UBND các tỉnh: Khánh Hòa, Đắk Lắk;
- Sở TNMT các tỉnh: Khánh Hòa, Đắk Lắk;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, TĐ, HSCN.

